

PHỤ LỤC 1: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI CỦA HRT TẠI NGÀY 31/12/2023

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích theo phương án CPH (m2)	Diện tích thực tế (m2)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
I	Đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê					
1	Nhà khách Đường sắt Yên Bái, tổ 6, phường Hồng Hà, Yên Bái	Yên Bái	1.436	1.436	Đã được cấp GCN QSDĐ, đã có hợp đồng thuê đất, thuê đất 50 năm trả tiền thuê 01 lần, thời hạn thuê đến 02/12/2064.	Chi nhánh VTĐS Lào Cai Hiện đang cho thuê, bao gồm 01 nhà 03 tầng và 01 nhà cấp 4
II	Đất thuê trả tiền hàng năm					
1	Cơ sở nhà đất, số 25 đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang thuộc Chi nhánh VTĐS Đông Anh	Bắc Giang	508,5	508,5	Đã được cấp GCN QSDĐ. Đã có hợp đồng thuê đất trả tiền thuê hàng năm, thời hạn thuê đến 01/8/2051.	Do thay đổi mô hình tổ chức sáp nhập vào Chi nhánh VTĐS Đông Anh hiện Không sử dụng, bao gồm 3 ngôi nhà: 1 ngôi nhà 3 tầng và 2 ngôi nhà cấp 4. Chi nhánh đang cho thuê ki - ô ở mặt tiền còn nhà bên trong thì đang tìm kiếm khách hàng cho thuê.
2	Nhà làm việc trụ sở Chi nhánh VTĐS Hải Phòng, Nhà 21, Nguyễn Huệ, Lào Cai	Lào Cai	166	166	Đã được cấp GCN QSDĐ, đã có hợp đồng thuê đất nhưng đã hết hạn.	Chi nhánh VTĐS Hải Phòng đang quản lý và sử dụng 01 ngôi nhà 3 tầng đã sửa chữa xong hiện nay đang cho thuê
3	Chi nhánh đoàn tiếp viên đường sắt Hà Nội, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái (Trạm công tác trên tàu Yên Bái)	Yên Bái	3.987	2.626,3	- Theo Quyết định số 1330/QĐ-ĐS ngày 10/9/2015, diện tích đất là 3.987 m2, phần diện tích trả địa phương là 171 m2, phần diện tích giữ lại để sử dụng là 3.816 m2. - Theo Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 6/5/2019 của UBND tỉnh Yên Bái	Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội quản lý, sử dụng.

Phương án hợp nhất CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội và CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích theo phương án CPH (m2)	Diện tích thực tế (m2)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
III	Đất thuê trả tiền hàng năm chưa đầy đủ pháp lý					
1	Nhà lưu trú số 74 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm, Hà Nội	19	19	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa được cấp GCN QSDĐ, - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước. - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế. 	Nhà 02 tầng, Công ty chỉ sử dụng tầng 1. Hiện Văn phòng Công ty đang sử dụng làm khu vực phụ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ khách hàng.
2	Nhà điều hành sản xuất Cơ quan Công ty 130 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Hoàn Kiếm, Hà Nội	676,9	676,9	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa được cấp GCN QSDĐ, - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế 	Hiện là trụ sở làm việc của Văn phòng Công ty bao gồm: Nhà làm việc 05 tầng và nhà bảo vệ (nhà cấp 4 mái bằng).
3	Các căn cứ lưu trú tại khu nhà 14 Nguyễn Khuyến, Cửa Nam, Ba Đình, Hà Nội	Ba Đình, Hà Nội	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa được cấp GCN QSDĐ, - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty đang bố trí cho CBCNV Công ty ở lưu trú có thu tiền (08 căn); 01 căn làm kho, 01 căn lưu trú không thu tiền.

Phương án hợp nhất CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội và CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích theo phương án CPH (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
4	Trụ sở làm việc Chi nhánh Đa phương thức - số 2A Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	Đống Đa, Hà Nội	733,7	733,7	- Chưa được cấp GCN QSDĐ, - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế	Hiện là Trụ sở làm việc của chi nhánh DVVT Đa phương thức bao gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng và 3 ngôi nhà cấp 4.
5	Trụ sở Chi nhánh VTĐS Đông Anh, số 89, tổ 13, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội	Đông Anh, Hà Nội	617	829,3	Chưa được cấp GCN QSDĐ, đã có hợp đồng thuê đất nhưng đã hết hạn.	Hiện là Trụ sở làm việc của Chi nhánh VTĐS Đông Anh (bao gồm: 1 nhà làm việc 3 tầng, 1 nhà bảo vệ cấp 4 và 1 gara ô tô) diện tích là 617m ² . - Bổ sung diện tích nhà ăn 212,3 m ² .
6	Cơ sở nhà đất 551 Nguyễn Văn Cừ	Hà Nội	36.119	36.119	- Chưa được cấp GCN QSDĐ. - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước. - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế.	Hiện đang giao Chi nhánh Toa xe hàng quản lý, sử dụng.
7	Nhà ăn giữa ca Bãi 1 ga Bím Sơn, thị xã Bím Sơn, thành phố Thanh Hóa	Thanh Hóa	160	160	- Chưa được cấp GCN QSDĐ. - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước. - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế.	Hiện Công ty đang giao cho Chi nhánh VTĐS Vinh quản lý, sử dụng.

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích theo phương án CPH (m2)	Diện tích thực tế (m2)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
8	Trạm công tác trên tàu Vinh, phường Đông Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Nghệ An	6.486	6.315,2	<p>- Quyết định số 1330/QĐ-ĐS ngày 10/9/2015, diện tích đất là 6.486,1 m2. Phần diện tích trả địa phương là 616 m2, phần diện tích giữ lại sử dụng là 5.870,1 m2.</p> <p>- Theo trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính tại khu đất gồm các đơn vị tham gia: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Nghệ An, Sở tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân phường Đông Vinh.</p> <p>- Biên bản 29/8/2015 gồm: Văn phòng đăng ký sử dụng đất, UBND phường đông Vinh, Đoàn tiếp viên đường sắt Hà Nội, Toa xe Vinh giảm do hiện trạng và bản đồ chỉnh lý của thành phố Vinh là đất ở ranh giới có trùng lên phần đất của Trạm tiếp viên đường sắt Vinh.</p> <p>- Văn bản đồng ý của UBND tỉnh Nghệ An ngày 26/02/2016. Diện tích khu đất là 6.315,2m2 phần diện tích giữ lại để sử dụng là 2.908,1 m2, phần diện tích bàn giao về địa phương là 3.407,1 m2 gồm cả đường đi.</p> <p>- Chưa được cấp GCN QSDĐ.</p> <p>- Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước.</p> <p>- Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế.</p>	Sử dụng làm nhà làm việc cho Chi nhánh đoàn tiếp viên đường sắt Hà Nội và sử dụng làm nhà lưu trữ.

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích theo phương án CPH (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
9	Trụ sở Chi nhánh VTĐS Vinh (trước là XN VTĐS Nghệ Tĩnh), phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Nghệ An	1.223	1.223	- Chưa được cấp GCN QSDĐ. - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước. - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế.	Hiện làm trụ sở làm việc của Chi nhánh VTĐS Vinh.
IV	Đất chưa đầy đủ pháp lý và không phải nộp tiền thuê đất hàng năm					
1	Cơ sở nhà đất số 16 - Tổ Yên Hà thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	Gia Lâm, Hà Nội	1.723	1.723	Chưa được cấp GCN QSDĐ, chưa có hợp đồng thuê đất.	Hiện đang là Trụ sở làm việc và lưu trú đội tàu thuộc Chi nhánh VTĐS Đông Anh, bao gồm 5 ngôi nhà cấp 4 và ngôi nhà 2 tầng.
2	Nhà lưu trú 269 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	Hà Nội	2.118,5	2.118,5	- Quyết định số 1330/QĐ-ĐS ngày 10/9/2015, diện tích đất là 2.118,5 m ² , phần diện tích trả địa phương là 148,4 m ² , phần diện tích giữ lại sử dụng là 1.970,1 m ² . Chưa được cấp GCN QSDĐ, chưa có hợp đồng thuê đất.	Hiện đang giao Chi nhánh Toa xe hàng quản lý, sử dụng làm nhà lưu trú.
3	Trạm công tác trên tàu Thanh Hóa (ĐT 3.360), đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa	Thanh Hóa	3.360	3.516,6	- Quyết định số 1330/QĐ-ĐS ngày 10/9/2015, diện tích đất là 3.360 m ² , phần diện tích trả địa phương là 375m ² , phần diện tích giữ lại sử dụng là 2.985 m ² . - Theo trích đo bản đồ địa chính mới tại khu đất gồm các đơn vị tham gia: Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn, Đoàn tiếp viên ĐS Hà Nội, Công ty CP trắc địa tài nguyên môi trường Phương Hà, diện tích khu đất là 3.516,6m ² , phần diện tích Công ty giữ lại sử dụng là 2.431 m ² .	Chi nhánh Đoàn tiếp viên đường sắt Hà Nội quản lý, sử dụng làm nhà ở và nhà lưu trú.

Phương án hợp nhất CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội và CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích theo phương án CPH (m2)	Diện tích thực tế (m2)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
4	Khu lưu trú Xí nghiệp Quảng Bình, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	232,5	238,1	<p>phần diện tích bàn giao về địa phương 1.085,6m² bao gồm cả đường đi.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quản lý theo hiện trạng + Trích lục bản đồ địa chính khu đất năm 2015 + Hồ sơ kỹ thuật thừa đất năm 2015 <p>Chưa được cấp GCN QSDĐ, chưa có hợp đồng thuê đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1330/QĐ-ĐS ngày 10/9/2015, diện tích đất là 232,5 m². - Theo tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước và đề xuất phương án xử lý có xác nhận của UBND phường Nam Lý và Công văn số 102/UBND-KTTH ngày 19/-1/2-16 của UBND tỉnh Quảng Bình, diện tích lô đất là 238,1 m² - Chưa được cấp GCN QSDĐ, chưa có hợp đồng thuê đất. 	Chi nhánh vận tải đường sắt Huế đang quản lý và sử dụng làm nhà lưu trú
5	Khu nhà ở tại phường Đông Vinh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Nghệ An	2.858	2.858	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1330/QĐ-ĐS ngày 10/9/2015, diện tích đất là 2.858 m². <p>Toàn bộ diện tích này bàn giao về địa phương quản lý</p>	Chi nhánh Toa xe Vinh đang quản lý và đang làm thủ tục để chuyển trả đất về địa phương
V	Các lô đất được nhận bàn giao theo phương án cổ phần hóa nhưng hiện tại đã có quyết định thu hồi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền					
	Cơ sở nhà đất 449A Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	Hà Nội	2.019	2.019	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa được cấp GCN QSDĐ. - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước. - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã có Quyết định số 3911/QĐ-UBND ngày 04/9/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi. - Quyết định số 9233/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND quận Long Biên về phương án bồi

Phương án hợp nhất CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội và CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích theo phương án CPH (m2)	Diện tích thực tế (m2)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
						thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, theo đó, Công ty được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 3.155.356.962 đồng - Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND quận Long Biên về việc cưỡng chế thu hồi đất a- Biên bản bàn giao tháng 01 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và UBND quận Long Biên

(Nguồn: HRT)

PHỤ LỤC 2: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI CỦA SRT TẠI NGÀY 31/12/2023

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
I	Đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê				
1	Ga Phan Thiết cũ, đường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	441	Đã được cấp GCN QSDĐ, đã có hợp đồng thuê đất, thuê đất 50 năm kể từ ngày 15/06/2016, trả tiền thuê 01 lần cho cả thời gian thuê.	Cho thuê kinh doanh, thương mại
II	Đất thuê trả tiền hàng năm				
1	Nhà công vụ Số 01 Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	24.159	Đã được cấp GCN QSDĐ. Đã có hợp đồng thuê đất trả tiền thuê hàng năm. Thời hạn sử dụng đất 30 năm, đến ngày 24/10/2030.	Hiện nay một số biệt thự đã hư hỏng, đang khai thác biệt thự số 3,4,5. Công ty VTSG hợp tác kinh doanh với đối tác.
2	Nhà xưởng 831 Trường Chinh, 831 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM	TP. Hồ Chí Minh	2.436	Đã được cấp GCN QSDĐ, đã có hợp đồng thuê đất trả tiền thuê hàng năm. - Đối với phần diện tích không thuộc phạm vi lộ giới: thời gian thuê từ ngày 20/11/1997 đến ngày 01/01/2046. - Đối với phần diện tích đất thuộc phạm vi lộ giới: thời gian thuê tạm thời từ 20/11/1997 cho đến khi Nhà nước thực hiện mở rộng đường theo quy hoạch.	Nhà 2 tầng, móng cột BTCT, trần lợp tôn. Công ty VTSG hợp tác kinh doanh với đối tác.

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
3	Khách sạn FaiFo, Số 200 Hải Phòng, P. Tân Chính, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng.	Tp. Đà Nẵng	5.656	Đã được cấp GCN QSDĐ. Đã có hợp đồng thuê đất trả tiền thuế hàng năm và Quyết định gia hạn thời gian thuê đất. Thời hạn thuê đất 15 năm kể từ ngày 06/8/2003; Thời hạn gia hạn thuê đất 05 năm kể từ ngày 01/01/2020;	Hiện trạng đối tác đang tháo dỡ toàn bộ mái và toàn bộ thiết bị bên trong; Phần nhà chỉ còn lại khung, sàn. Công ty VTSG hợp tác kinh doanh với đối tác
III Đất thuê trả tiền hàng năm chưa đầy đủ pháp lý					
1	Văn phòng, nhà xưởng của Xi nghiệp Đầu máy Sài Gòn, 540/21 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận Q3-TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	3.000	- Chưa được cấp GCN QSDĐ - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế	Nhà cấp 4, mái tôn đã cũ. Nhà xưởng, phòng làm việc của XNĐM Sài Gòn
2	Trụ sở Chi nhánh VTĐS Đà Nẵng (cũ); Số 200A Hải Phòng, P. Tân Chính, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng.	Tp. Đà Nẵng	1.633	- Chưa được cấp GCN QSDĐ, - Đã ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế	Nhà cũ, hỏng đột và bong tróc nhiều nơi; Các Kios vẫn đang hoạt động. Công ty VTSG hợp tác kinh doanh với đối tác
3	Trạm rửa xe - Chi nhánh VTĐS Đà Nẵng, Số 182 Ông Ích Khiêm, P. Tam Thuận, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	Tp. Đà Nẵng	196,4	- Chưa được cấp GCN QSDĐ - Đã ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế	Nhà đã cũ và hư hỏng nhiều nơi, phần sân trống làm chỗ rửa xe. Chi nhánh VTĐS Đà Nẵng Sử dụng làm trạm rửa xe trong thời gian chờ UBND TP. Đà Nẵng thu hồi, bồi thường và giải tỏa khu đất

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
4	Nhà lưu trú Hải Phố, CN VTĐS Đà Nẵng; Số 83 Trần Cao Vân, P. Tam Thuận, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	Tp. Đà Nẵng	770	- Chưa được cấp GCN QSDĐ - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế	Nhà cũ và thảm dệt vài nơi. Chi nhánh VTĐS Đà Nẵng quản lý và sử dụng.
5	Văn phòng của Đoàn tiếp viên ĐS Phương Nam tại Đà Nẵng, Số 204/24 Hải Phòng, P. Tân Chính, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	Tp. Đà Nẵng	750	- Chưa được cấp GCN QSDĐ - Đã ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế	Nhà cũ và thảm dệt vài nơi. Đoàn tiếp viên ĐS Phương Nam quản lý và sử dụng.
6	Trụ sở làm việc chi nhánh VTĐS Miền Bắc, 124 Lê Duẩn (4 tầng); Số 124, đường Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	Tp. Hà Nội	130	- Chưa được cấp GCN QSDĐ - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế	Công trình hiện đang xuống cấp. Chi nhánh VTĐS Miền Bắc quản lý và sử dụng.
7	Trạm Lưu Trú Hải Vân Bắc, 126, đường Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	Tp. Hà Nội	257	- Chưa được cấp GCN QSDĐ - Chưa ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế	Công trình hiện đang xuống cấp. Chi nhánh VTĐS Miền Bắc quản lý và sử dụng.
8	Kho chứa lương thực thực phẩm phục vụ hành khách đi tàu - ĐTVĐS Phương Nam, 86, Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP.HCM.	TP.HCM	113	- Chưa được cấp GCN QSDĐ - Đã ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước - Nộp tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế	Đang làm đại lý bán vé tàu hỏa, kho chứa lương thực, văn phòng giao dịch. Đoàn tiếp viên ĐS Phương Nam quản lý và sử dụng.
IV	Đất chưa đầy đủ pháp lý và không phải nộp tiền thuê đất hàng năm				

Phương án hợp nhất CTCP Vận tải Đường sắt Hà Nội và CTCP Vận tải Đường sắt Sài Gòn

STT	Lô đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Tình trạng sử dụng
1	Nhà lưu trú 27/31 đường An Bình, Số 27/31 Đường An Bình, KP. Bình Đường 2, P. An Bình, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Bình Dương	84	Chưa được cấp GCN QSDĐ, chưa có hợp đồng thuê đất, chưa có hồ sơ pháp lý về đất.	Công trình hiện đang xuống cấp. Chi nhánh VTĐS Sóng Thần quản lý, sử dụng làm nhà ở và nhà lưu trú
2	Nhà lưu trú 234, số 234 đường số 2, Kp. Bình Đường 1, P. An Bình, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Bình Dương	628,7	Chưa được cấp GCN QSDĐ, chưa có hợp đồng thuê đất, chưa có hồ sơ pháp lý về đất.	Công trình hiện đang xuống cấp. Chi nhánh VTĐS Sóng Thần quản lý, sử dụng làm nhà ở và nhà lưu trú
3	Nhà để xe khu Trung Hiếu, 462/12 cư xá Trung Hiếu đường CMT8, P11, Q3, TP.HCM	TP.HCM	61	Chưa được cấp GCN QSDĐ, chưa có hợp đồng thuê đất, chưa có hồ sơ pháp lý về đất.	Chi nhánh VTĐS Sài Gòn quản lý và sử dụng.
4	Nhà lưu trú của Đoàn tiếp viên ĐS phương Nam, 590/30 CMT8, P11, Q3, TPHCM	TP.HCM	191	Chưa được cấp GCN QSDĐ, chưa có hợp đồng thuê đất, chưa có hồ sơ pháp lý về đất.	Đoàn tiếp viên ĐS Phương Nam quản lý, sử dụng làm nhà ở và nhà lưu trú.
5	Phòng bán vé tàu - Đoàn tiếp viên ĐS Phương Nam, 76 Nguyễn Phúc Nguyễn P9, Q3, TP.HCM	TP.HCM	36	Chưa được cấp GCN QSDĐ, chưa có hợp đồng thuê đất, chưa có hồ sơ pháp lý về đất.	Làm văn phòng giao dịch

(Nguồn: SRT)

PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VẬN TẢI					
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý IV/2024	Kế hoạch năm 2025
I. Vận chuyển hàng hóa					
1	Vận chuyển theo tàu hàng				
1.1	Tấn xếp	Tấn	3.731.109	1.061.595	3.575.874
1.2	Tấn dỡ	Tấn	2.794.091	937.476	3.342.000
1.3	Tấn.Km	1.000T.Km	2.811.580	768.231	2.966.230
1.4	Doanh thu hàng hóa	Triệu đồng	1.327.696	381.282	1.446.000
2	Vận chuyển theo tàu khách			0	0
2.1	Tấn xếp	Tấn	15.423	10.218	52.666
2.2	Tấn.Km	1.000T.Km	26.595	18.786	92.250
2.3	Doanh thu hàng hóa	Triệu đồng	74.556	17.992	81.622
3	Vận chuyển hàng hóa			0	0
3.1	Tấn xếp	Tấn	3.746.532	1.071.813	3.628.540
3.2	Tấn.Km	1.000T.Km	2.838.175	787.017	3.058.480
3.3	Doanh thu hàng hóa	Triệu đồng	1.402.252	399.274	1.527.622
1	Vận chuyển hành khách				
1.1	Hành khách lên tàu	Người	6.112.770	1.327.580	6.765.640
1.2	Hành khách.Km	1.000HK.Km	2.209.778	432.204	2.418.265
1.3	Doanh thu hành khách	Triệu đồng	2.221.540	412.668	2.488.247
2	Vận chuyển hành lý			0	0
2.1	Tấn xếp hành lý	Tấn	31.358	8.716	36.403
2.2	Tấn.Km hành lý	1.000T.Km	22.784	6.780	26.586
2.3	Doanh thu hành lý	Triệu đồng	39.308	8.227	46.486
III	Tính Km tính đổi	1.000T.Km	5.070.737	1.226.001	5.503.331
	Trong đó				
	Vận chuyển hàng hóa (H+K)		2.838.175	787.017	3.058.480
	Vận chuyển hành khách (HK+HL)		2.232.562	438.984	2.444.851
IV	Doanh thu vận tải	Triệu đồng	3.680.908	827.169	4.072.355

PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VẬN TẢI					
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý IV/2024	Kế hoạch năm 2025
	Trong đó				
	<i>Doanh thu hàng hóa</i>		1.402.252	399.274	1.527.622
	<i>Doanh thu hành khách</i>		2.260.848	420.895	2.534.733
	<i>Thu khác</i>		17.808	7.000	10.000
V	Doanh thu hỗ trợ vận tải	Triệu đồng	519.272	120.455	636.262
VI	Tổng doanh thu (DTVT+DTHTVT)	Triệu đồng	4.200.180	947.624	4.708.268

PHỤ LỤC 4: KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU TỪ TÁC NGHIỆP VỚI RATRACO

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2023	KH. Quý IV/2024	KH. Năm 2025
1	Kéo toa xe hàng	Xe.Km	2.407.335	670.480	2.375.730
		Vận T.Km TT	525.245	97.966	505.102
2	Cho thuê toa xe hàng	Ngày xe	98.902	1.208	37.824
3	Tác nghiệp kỹ thuật toa xe hàng	Lượt xe	11.453.528	3.063.608	11.923.191
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	24.910	7.452	26.947

Đơn vị: Triệu đồng

PHỤ LỤC 5: KẾ HOẠCH DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÁC									
TT	Tên nhóm, loại hình dịch vụ	Thực hiện Năm 2023			KH. Quý IV/2024		KH. Năm 2025		
		Tổng doanh thu	Doanh thu trừ trừ cước và giá vốn	Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn	Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn		
I	Nhóm 1	15.391	2.009	4.503	503	16.570	2.070		
1	Dịch vụ khai thác vận tải đường sắt	15.391	2.009	4.503	503	16.570	2.070		
II	Nhóm 2	4.629	979	2.081	777	8.299	3.197		
1	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa bằng thủ công	1.052	20	555	68	2.207	278		
2	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa bằng cơ giới	522	275	459	315	1.777	1.297		
3	Dịch vụ xếp dỡ hành lý, bao gửi	2.828	496	695	22	2.784	91		
4	Dịch vụ xếp dỡ xếp xe máy, xe đạp tại ga	228	188	372	372	1.531	1.531		
III	Nhóm 3	7.205	411	2.210	341	8.858	1.404		
1	Dịch vụ bảo quản, trông coi hàng hóa	2.805	411	975	316	4.015	1.303		
2	Dịch vụ bảo quản, trông coi toa xe	4.400	0	1.235	25	4.843	101		
IV	Nhóm 4	23.264	2.541	3.130	731	13.056	3.008		
1	Dịch vụ vệ sinh toa xe	3.705	281	975	75	4.009	309		
2	Dịch vụ VC, giao nhận, kiểm đếm hàng hóa	5.792	585	1.055	656	4.347	2.699		
3	Dịch vụ khác liên quan đến v/c hàng hóa	13.767	1.675	1.100	0	4.700	0		
V	Nhóm 5	487.569	12.333	127.672	5.315	525.399	21.896		
1	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa từ kho đến kho	470.366	11.921	124.084	5.175	511.224	21.321		

PHỤ LỤC 5: KẾ HOẠCH DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÁC

TT	Tên nhóm, loại hình dịch vụ	Thực hiện Năm 2023		KH. Quý IV/2024		KH. Năm 2025	
		Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn	Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn	Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn
2	Dịch vụ giao nhận, đóng gói hàng hóa	4.776	1	226	26	805	105
3	Dịch vụ liên doanh, liên kết vận tải Hành khách	11.150	411	2.961	114	11.965	469
4	Đại lý bán vé	1.277	0	401	0	1.405	1
VI	Nhóm 6	7.743	3.070	3.242	1.125	10.155	4.635
1	Sản xuất, phục hồi VTPT	4.867	347	2.470	353	6.973	1.453
2	Sửa chữa, chỉnh bị toa xe	2.876	2.723	772	772	3.182	3.182
VII	Nhóm 7	79.864	26.412	21.823	7.253	87.662	29.881
1	Dịch vụ ăn uống, bán hàng trên tàu	57.545	21.544	16.059	6.059	64.962	24.962
2	Dịch vụ thuê địa điểm kinh doanh	12.328	1.581	3.171	350	12.266	1.441
3	Dịch vụ phòng trọ, nhà nghỉ	1.007	401	241	150	988	616
4	Các loại dịch vụ trông giữ xe máy, xe đạp	3.988	1.325	982	379	3.909	1.564
5	Dịch vụ cho thuê Văn phòng	497	109	133	17	536	70
6	Dịch vụ ăn uống khác	3.871	1.325	1.137	298	4.501	1.228
7	Các loại dịch vụ khác liên quan VCHH, HL	629	127	100	0	500	0
VIII	Nhóm 8	28.066	5.165	8.776	1.211	27.631	4.989
1	HĐ cho thuê quảng cáo	789	68	200	0	700	0
2	Dịch vụ cho thuê kho, bãi	4.036	3.835	1.111	1.011	4.364	4.164
3	Dịch vụ khác	23.241	1.262	7.465	200	22.567	825
	TỔNG CỘNG	653.732	52.920	173.437	17.256	697.630	71.080

PHỤ LỤC 6: DANH MỤC DỰ ÁN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2024 - 2026							
TT	Tên hạng mục/dự án	Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện
I. CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP							
1	Đầu tư mới toa xe hàng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thay thế các toa xe hàng hết niên hạn sử dụng ▪ Theo nhu cầu vận tải 	75	50 toa xe G	Vốn KHTSCĐ	Công ty CPVận tải đường sắt	2022-2024
II. CÁC DỰ ÁN SẼ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN							
1	Đầu tư bằng nguồn vốn khấu hao TSCĐ và vốn vay ngân hàng						
1.1	Đầu tư mới 30 toa xe khách	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thay thế các toa xe khách hết niên hạn sử dụng. ▪ Theo nhu cầu vận tải 	300	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 22 toa xe An28. ▪ 04 toa xe A56. ▪ 04 toa xe CVPĐ 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vốn vay ngân hàng: 70%. ▪ Vốn KHTSCĐ: 30% 	Công ty CPVận tải đường sắt	2023-2025
1.2	Đầu tư mới toa xe hàng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thay thế các toa xe hàng hết niên hạn sử dụng ▪ Theo nhu cầu vận tải 	125	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 50 toa xe G ▪ 50 toa xe Mc 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vốn vay ngân hàng: 70% ▪ Vốn KHTSCĐ: 30% 	nt	2023-2024

PHỤ LỤC 6: DANH MỤC DỰ ÁN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2024 - 2026

TT	Tên hạng mục/dự án	Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện
1.3	Đầu tư mới toa xe hàng	<ul style="list-style-type: none"> Thay thế các toa xe hàng hết niên hạn sử dụng Theo nhu cầu vận tải 	190	<ul style="list-style-type: none"> 50 toa xe G. 50 toa xe H. 50 toa xe Mc. 	<ul style="list-style-type: none"> Vốn vay ngân hàng: 70% Vốn KHTSCĐ: 30% 	nt	2024-2025
2	Đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa:						
2.1	Đầu tư mới toa xe khách	<ul style="list-style-type: none"> Theo nhu cầu vận tải 	450	<ul style="list-style-type: none"> 22 toa xe An28. 04 toa xe A56. 02 toa xe HC 02 toa xe CVPĐ. 	Vốn huy động xã hội hóa	Nhà đầu tư	2022-2025
2.2	Đầu tư mới 200 toa xe	<ul style="list-style-type: none"> Thay thế các toa xe hàng hết niên hạn sử dụng. Theo nhu cầu vận tải 	230	<ul style="list-style-type: none"> 100 toa xe Mc 100 toa xe H. 	Vốn huy động xã hội hóa	Nhà đầu tư	2023-2024
2.3	Đầu tư mới 200 toa xe	<ul style="list-style-type: none"> Thay thế các toa xe hàng hết niên hạn sử dụng. Theo nhu cầu vận tải 	230	<ul style="list-style-type: none"> 100 toa xe Mc. 100 toa xe H. 	Vốn huy động xã hội hóa	Nhà đầu tư	2024-2025

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/2018;
- Căn cứ Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật cạnh tranh;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/04/2022 về việc phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- Văn bản số 2237/UBQLV-CNHT ngày 18/10/2023 về việc hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Sài Gòn;
- Văn bản số 1625/BTC-TCĐN ngày 07/02/2024 về việc hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Sài Gòn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội,

Công ty hợp nhất sẽ phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của các Công ty bị hợp nhất theo phương thức dưới đây khi được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) các Công ty bị hợp nhất thông qua. Theo đó, tất cả các cổ đông hiện hữu của các Công ty bị hợp nhất sẽ trở thành cổ đông của Công ty hợp nhất thông qua việc sở hữu cổ phiếu Công ty hợp nhất phát hành thêm theo

Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, cụ thể như sau:

1. Phương án phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất doanh nghiệp

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt
- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 130.368.970 cổ phiếu.
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 1.303.689.700.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.
- Phương thức phát hành: Công ty Hợp nhất sẽ phát hành 130.368.970 cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của các cổ đông trong Công ty bị hợp nhất, trong đó:

- Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội là 1:1,09071.

01 cổ phiếu của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội sẽ được hoán đổi với 1,09071 cổ phiếu Công ty Hợp nhất.

- Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn là 1: 0,85565.

01 cổ phiếu của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ được hoán đổi với 0,85565 cổ phiếu Công ty Hợp nhất.

- Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu được hoán đổi cho cổ đông của Công ty bị hợp nhất sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ 1: vào ngày chốt danh sách cổ đông của HRT để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu HRT. Khi đó, cổ đông A sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công ty hợp nhất tương ứng là $123 \times 1,09071 = 134,15733$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu Công ty hợp nhất của cổ đông A nhận được sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 134 cổ phiếu.

Ví dụ 2: vào ngày chốt danh sách cổ đông của SRT để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn B hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu SRT. Khi đó, cổ đông B sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công ty hợp nhất tương ứng là $123 \times$

0,85565 = 105,24495 cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu Công ty hợp nhất của cổ đông B nhận được sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 105 cổ phiếu.

▪ Nguyên tắc xử lý số cổ phiếu lẻ: Toàn bộ số cổ phiếu lẻ còn lại do nguyên tắc tính toán theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu sẽ được chuyển cho cổ đông nhà nước là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu và quản lý. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

Các cổ đông của HRT và SRT nhất trí thông qua việc chuyển toàn bộ số cổ phiếu lẻ do nguyên tắc tính toán theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu cho cổ đông nhà nước là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu và quản lý.

▪ Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm để thực hiện hoán đổi không bị hạn chế chuyển nhượng, trừ trường hợp:

○ Cổ đông của công ty bị hợp nhất đang sở hữu cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (cổ phiếu của người lao động được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài) thì khi hoán đổi lấy cổ phiếu Công ty hợp nhất cũng bị hạn chế chuyển nhượng tương ứng. Việc chuyển nhượng các cổ phiếu này của Công ty hợp nhất tuân thủ đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật về cổ phần hóa.

○ Số cổ phiếu lẻ của đợt chào bán được phân phối tiếp như quy định nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

- Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nước ngoài: ĐHĐCĐ uỷ quyền cho Hội đồng quản trị (“HĐQT”) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Thời gian thực hiện dự kiến: trong năm 2024, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán. ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT lựa chọn, quyết định thời điểm thực hiện phù hợp và gia hạn thời gian thực hiện căn cứ vào quá trình thực tế Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt.

- Đăng ký lưu ký và giao dịch cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phát hành sẽ được đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch tại hệ thống Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các nội dung giao/ủy quyền

Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung công việc, bao gồm


nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa hoặc thay đổi phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) nhằm triển khai phương án phát hành cổ phiếu được hiệu quả cao nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan, điều lệ và đảm bảo quyền lợi cổ đông Công ty. Báo cáo lại với ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất.
- Triển khai các thủ tục phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo quy định của pháp luật.
- Chủ động xây dựng, thông qua hồ sơ đăng ký phát hành và giải trình hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền có liên quan.
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Quyết định chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi, thời điểm và tiến độ phát hành cổ phiếu, bảo đảm lợi ích của cổ đông và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Phối hợp với Công ty hợp nhất xây dựng hồ sơ và các tài liệu cần thiết để thực hiện đăng ký lưu ký cổ phiếu Công ty hợp nhất tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại hệ thống Upcom của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định pháp luật.
- Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà HĐQT thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt./.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký Cty.

Đỗ Văn Hoan

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM



PHƯƠNG ÁN KINH DOANH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT
QUÝ IV NĂM 2024, NĂM 2025
(Công ty CP hợp nhất)

Hà Nội, tháng 4 năm 2024

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2024

**PHƯƠNG ÁN KINH DOANH
Của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt
Quý IV năm 2024, năm 2025**

- Căn cứ Quyết định số về việc thành lập Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt trên cơ sở hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn;
- Căn cứ Đề án hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn được phê duyệt;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt hoạt động từ ngày 01/10/2024;
- Căn cứ phương án sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần vận tải Đường sắt và kết quả sản xuất kinh doanh từ khi cổ phần hóa đến nay của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn năm 2024 trước khi hợp nhất.

Phần I

MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ MỤC TIÊU KINH DOANH

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tình hình về Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt

Quá trình hợp nhất hai Công ty đã được triển khai và thực hiện các bước đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đề án được phê duyệt. Sau khi hợp nhất, Công ty hợp nhất đồng thời thực hiện 02 nhiệm vụ lớn là vừa tập trung tổ chức sản xuất kinh doanh và vừa ổn định tổ chức, xây dựng cơ chế quản trị doanh nghiệp.

Ngành nghề sản xuất chính của Công ty là kinh doanh vận tải đường sắt. phương tiện vận tải chủ yếu là toa xe khách và toa xe hàng các loại (bảng thống kê số lượng toa xe theo chủng loại kèm theo).

Về tài chính, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cả hai Công ty trước khi hợp nhất đều lỗ, tổng lỗ lũy kế đến hết 31/12/2022 là 775 tỷ đồng. Trong năm 2023 cả

hai Công ty từng bước phục hồi sản xuất kinh doanh, quản lý chi phí để giảm dần lỗ lũy kế (đến hết 31/12/2023 là 739 tỷ đồng), vì vậy Công ty hợp nhất vẫn rất khó khăn về vốn đầu tư; kinh phí trả nợ hàng năm tương đối lớn; quỹ nhà, đất của Công ty hợp nhất rất khó khăn khai thác do vị trí không thuận lợi.

Bước vào hoạt động theo mô hình tổ chức mới, Công ty hợp nhất sẽ chủ động trong việc sử dụng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, phát huy hiệu quả phương tiện; triệt tiêu cạnh tranh nội bộ, tuy nhiên với địa bàn hoạt động rộng sẽ có khó khăn nhất định trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hiện trường, chất lượng lao động không đồng nhất, tuổi bình quân tương đối cao, thiếu lao động kỹ thuật, thợ sửa chữa toa xe, công nhân nguội, điện, hàn mộc..., trong các dịp vận tải cao điểm thiếu nhân viên phục vụ trên tàu, nhưng lại không thuê được lao động thời vụ.

2. Điều kiện về đầu tư phát triển cải thiện kết cấu hạ tầng đường sắt

Về kết cấu hạ tầng đường sắt, Chính phủ đã có chủ trương phát triển đường sắt, hiện nay gói 7.000 tỷ đang thi công, sau khi kết thúc hoàn thành sẽ mở thêm một số ga mới, kéo dài đường đón gửi tàu tại một số ga hiện nay. Đồng thời sau khi cải tạo đèo Hải Vân và Khe Nét chiều dài đoàn tàu có thể kéo tối đa 26-27 xe hàng (hiện nay chỉ kéo được tối đa 23 xe). Tới đây sẽ có gói 1.322 tỷ nâng cấp đường sắt qua đèo Hải Vân và quan trọng nhất chính phủ đang có chủ trương đầu tư phát triển hạ tầng, đầu máy toa xe để vận chuyển hàng LVQT dự kiến đến năm 2030 phấn đấu đạt 5.000 triệu tấn hàng hóa vận chuyển LVQT. Các kho, ke, bãi hàng một số ga trọng điểm hàng hóa đã được đầu tư nâng cấp như Lào Cai, Đồng Đăng, Yên Viên. Giáp Bát, Kim Liên, Sóng Thần... các ga này sẽ trở thành trung tâm vận tải logistics để kết nối với các phương tiện vận tải khác, tuy nhiên các trang thiết bị tác nghiệp đầu cuối hiện nay như ô tô, thiết bị xếp dỡ, băng truyền, cần trục, xe nâng... còn rất manh mún, lạc hậu làm kéo dài thời gian tác nghiệp. Đặc biệt Bộ Giao thông vận tải cho phép ga Kép được tạm thời tác nghiệp hàng hóa liên vận quốc tế tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh vận tải liên vận quốc tế bằng đường sắt.

3. Đánh giá thị trường

Việt Nam đang trên đà hội nhập, phát triển với thế giới và là quốc gia có tiềm năng về du lịch và sản xuất hàng hóa, kéo theo nhu cầu đi lại của hành khách trong và ngoài nước cũng như lưu thông hàng hóa tiếp tục tăng lên trong vài năm tới, tuy nhiên thị trường vận tải ngày càng đòi hỏi khắt khe hơn về chất lượng dịch vụ và đa dạng các phương thức vận tải như: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển và hàng không. Nhanh, an toàn và sang trọng là những tiêu chí phân đấu hàng đầu đối với tất cả các loại hình vận tải.

Ngành giao thông vận tải đã thực hiện xã hội hóa với nhiều thành phần kinh tế tham gia, đảm bảo thị trường vận tải cạnh tranh lành mạnh, giá cước vận tải cơ bản đã được kiểm soát, bảo đảm phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, qua đó đã nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong những năm gần đây, hoạt động vận tải ở Việt Nam tăng trưởng bình quân hàng năm từ 8 - 9%. Số liệu thống kê cho thấy vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng lớn nhất so với các phương thức vận tải khác và ngày càng tăng; vận tải hành khách bằng hàng không cũng có sự tăng trưởng; vận tải đường sắt và đường thủy giảm tỷ trọng liên tục.

Đối với ngành Đường sắt, trong những năm qua với phương châm phục vụ khách hàng “An toàn - Thuận tiện - Thân thiện - Đúng giờ”, chất lượng dịch vụ vận tải đường sắt đang có những chuyển biến tích cực nhờ những đổi mới toàn diện của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Vận tải đường sắt có ưu thế là loại hình vận tải an toàn, giá thành vận tải thấp và khối lượng vận chuyển lớn, tiện nghi phù hợp, tiết kiệm tài nguyên, do vậy có khả năng thu hút tăng trưởng sản lượng vận tải nếu chất lượng vận tải tiếp tục được cải thiện - trước hết là chất lượng kết cấu hạ tầng đường sắt và phương tiện vận tải đường sắt.

Ngoài đại dịch Covid ảnh hưởng đến toàn cầu thì bắt đầu từ ngày 24/2/2022 Nga và Ukraina xảy ra xung đột, cuộc chiến này đã tác động đến cục diện chính trị thế giới làm thay đổi một cách căn bản trật tự an ninh châu Âu trong 03 thập kỷ qua, các sự kiện này đã gây xáo trộn lớn trên thị trường tài chính, dầu khí và ngũ cốc thế giới; làm tăng lạm phát và giảm tăng trưởng kinh tế thế giới. Kinh tế Việt Nam nói chung và kinh tế ngành giao thông vận tải nói riêng cũng chịu tác động mạnh của các sự kiện này, làm cho sản lượng và doanh thu về vận tải hành khách từ đó đến nay tụt giảm nghiêm trọng, nhất là khách Quốc tế, trong khi đó giá cả đầu vào của các doanh nghiệp vận tải tăng cao, nhất là giá nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành vận tải. Ảnh hưởng này còn có thể tiếp tục kéo dài mặc dù mức độ sẽ giảm đi. Hiện nay dịch COVID đã cơ bản khống chế, lượng hành khách đặc biệt là hành khách Quốc tế đã vào Việt Nam đi du lịch ngày càng nhiều, nhiều tua du lịch thường chọn phương án đi tàu du lịch bằng tàu hỏa.

Giá cả hàng hóa, dịch vụ đầu vào tiếp tục tăng, nhất là giá nhiên liệu, phụ tùng toa xe, phụ tùng máy phát điện, điều hòa không khí... chưa có dấu hiệu ổn định làm cho giá thành vận tải nói chung và vận tải đường sắt nói riêng tăng theo, ảnh hưởng đáng kể đến nhu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa.

Đối với vận chuyển hành khách bằng đường sắt hiện nay đang tập trung chủ yếu từ các thành phố lớn, trung tâm kinh tế đến các địa điểm, thành phố du lịch như từ Hà Nội đi Vinh, Đồng Hới, Huế, Đà Nẵng; từ Hà Nội đi Lào Cai, Hải Phòng, Sa Pa, Đồng Đăng, Lạng Sơn,...; từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Phan Thiết, Nha Trang, Quy Nhơn, Đà Nẵng, ...; từ Nha Trang đi Đà Nẵng, Huế, Đồng Hới, ... và chiều ngược lại. Sang năm 2024, việc hàng không cắt giảm các tuyến bay chằng ngắn đã là cơ hội để đường sắt khai thác chạy tàu khách có hiệu quả, như các tuyến: Hà Nội - Vinh, Đồng Hới; Hà Nội - Nha Trang, Do đó các đơn vị vận tải cần nghiên cứu các chính sách hợp lý để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm duy trì và phát triển lượng hành khách trên các cung chặng này, đồng thời nghiên cứu phát triển thêm các cung chặng khác.

- Thị trường vận chuyển hàng hóa: Cùng với sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử thói quen của người tiêu dùng đã và đang thay đổi, phương thức giao dịch mua bán chuyển từ mua bán truyền thống sang mua hàng trực tuyến. Bên cạnh đó, nền kinh tế của Việt Nam mở cửa và hội nhập ngày càng sâu rộng. Do đó sẽ thúc đẩy thị trường vận chuyển hàng hóa phát triển. Đối với đường sắt thì ngoài việc vận chuyển lưu thông hàng hóa giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước ra, việc vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt từ khu vực phía Nam ra các ga biên giới xuất nhập khẩu sang thị trường Trung Quốc hoặc sang nước thứ 3 và ngược lại sẽ là rất lớn.

- Ngày 20/04/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ đã ra Nghị quyết số 04-NQ/ĐU về nâng cao năng lực vận tải đường sắt, Tổng công ty đã xây dựng, triển khai chương trình số 1289/Ctr-ĐS ngày 28/05/2021 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/ĐU. Tổng công ty đã xác định chuyển dịch từ trọng tâm là vận tải hành khách sang vận tải hàng hóa để bù đắp sản lượng vận tải hành khách bị sụt giảm nghiêm trọng do sự cạnh tranh với vận tải đường bộ, hàng không giá rẻ và ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19.

Vì vậy, giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty với nguồn lực hiện có định hướng thực hiện như sau:

+ Tập trung khai thác, kinh doanh hiệu quả tài sản của Công ty Mẹ, hệ thống KCHTĐS hiện có; khai thác tối đa năng lực thông qua của hạ tầng. Nâng cấp chất lượng KCHTĐS, chủ động trong thực hiện đầu tư, phân đấu đến năm 2025 tăng năng lực thông qua trên tất cả các tuyến đường sắt đảm bảo an toàn của toàn hệ thống đường sắt quốc gia trong đó có an toàn của KCHT, an toàn phương tiện và an toàn trong công tác điều hành.

+ Nâng cao năng lực cạnh tranh, phân đấu từng bước lấy lại thị phần vận tải, nâng cao sản lượng và doanh thu VTĐS; tập trung, tăng cường vận tải hàng hóa, hỗ trợ cho vận tải hành khách, đảm bảo doanh thu và hiệu quả SXKD. Xây dựng phương án tổ chức SXKD vận tải phù hợp với mô hình tổ chức mới, đảm bảo hiệu quả kinh doanh; tạo cơ chế kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, đúng pháp luật giữa các doanh nghiệp kinh doanh vận tải.

+ Nghiên cứu xây dựng phương án thuê phương tiện giao thông đường sắt (gồm đầu máy và toa xe) để tăng tính chủ động kinh doanh cho các đơn vị cơ khí, các doanh nghiệp ngoài ngành và giảm vốn đầu tư cho các công ty vận tải.

II. MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn, mô hình tổ chức của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt sau hợp nhất như sau:

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**
- Tên giao dịch quốc tế: **Railway transport joint stock Company**
- Tên viết tắt: **VRT** ⁽¹⁾
- Tên tiếng Anh:
- Địa chỉ trụ sở chính: 130 đường Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh:
- + Tên gọi: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT - CƠ SỞ SÀI GÒN**
- + Tên viết tắt:
- + Địa chỉ: **Số 136 đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty Hợp nhất

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt là kinh doanh vận tải hành khách đường sắt (4911), vận tải hàng hóa đường sắt (4912); theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; của Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện theo Quy chế kinh doanh đường sắt được Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành.

Danh sách ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt

Mã ngành nghề KD	Tên ngành nghề kinh doanh
2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
2431	Đúc sắt, thép
2432	Đúc kim loại màu
2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (trừ giết mổ gia súc, gia cầm)
1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
1030	Chế biến và bảo quản rau quả
1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, nước chấm các loại, muối, dầu ăn tại trụ sở)
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

(¹) Có thể lựa chọn một số tên khác như: RTG, CRT, NRT, HSG, JRT

Mã ngành nghề KD	Tên ngành nghề kinh doanh
	(trừ hoạt động bến thủy nội địa)
5224	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).
5310	Bưu chính
5320	Chuyển phát
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh)
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn).
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên dụng ngành đường sắt
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
5629	Dịch vụ ăn uống khác
5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).
6190	Hoạt động viễn thông khác
3020	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe
3099	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn; - Sản xuất chổi, bàn chải, bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, các loại chổi, bàn chải khác; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem dập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực và ribbon máy tính
3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3319	Sửa chữa thiết bị khác
3530	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
4632	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
4633	Bán buôn đồ uống
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm).
4781	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ

Mã ngành nghề KD	Tên ngành nghề kinh doanh
	(Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
4911 (Chính)	Vận tải hành khách đường sắt
4912 (Chính)	Vận tải hàng hóa đường sắt
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp
9311	Hoạt động của các cơ sở thể thao
9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, gồm: - Thiết kế đóng mới, phục hồi, nâng cấp, hoán cải đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị chuyên dùng cho ngành đường sắt; - Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình, mau sầm thiết bị, phương tiện vận tải; - Khảo sát thiết kế và lập dự toán công trình giao thông vận tải đường sắt và đường bộ; - Tư vấn, đấu thầu, giám sát, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông vận tải; Tư vấn giám sát chất lượng lắp đặt và chuyên giao công nghệ máy móc, thiết bị công nghiệp và phương tiện giao thông vận tải
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
7310	Quảng cáo
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình xây dựng).
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ đóng mới, sửa chữa đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị chuyên dụng dùng cho ngành đường sắt
7710	Cho thuê xe có động cơ
7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí

Mã ngành nghề KD	Tên ngành nghề kinh doanh
7911	Đại lý du lịch
7912	Điều hành tua du lịch
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá tài sản)
4789	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
4921	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành
4922	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh
4929	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác
5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt)
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
7990	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)
3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

3. Danh sách thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị: không quá 05 thành viên
- Ban Kiểm soát: không quá 03 thành viên
- Ban Tổng giám đốc: không quá 05 người (01 Tổng giám đốc + 04 Phó Tổng giám đốc)

- Người đại diện theo pháp luật: Tổng giám đốc

4. Cơ cấu tổ chức

4.1. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ của Công ty CP VTĐS (08 phòng)

- (1) Văn phòng
- (2) Phòng Tổ chức - Cán bộ
- (3) Phòng Kinh doanh
- (4) Phòng Tài chính - Kế toán
- (5) Phòng Kế hoạch - Đầu tư
- (6) Phòng An ninh - An toàn
- (7) Phòng Quản lý phương tiện
- (8) Phòng Công nghệ thông tin - Thống kê

4.2. Công ty CP Vận tải đường sắt - Cơ sở Sài Gòn

Công ty CP Vận tải đường sắt - Cơ sở Sài Gòn bao gồm: 01 Phó Tổng giám đốc Công ty và lực lượng cán bộ, người lao động phù hợp thuộc các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty CP Vận tải đường sắt để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4.3. Các chi nhánh toa xe (04 chi nhánh)

- (1) Chi nhánh Toa xe Hà Nội
- (2) Chi nhánh Toa xe Vinh
- (3) Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng
- (4) Chi nhánh Toa xe Sài Gòn

Mô hình tổ chức của các Chi nhánh toa xe gồm: (i) 05 phòng chuyên môn nghiệp vụ là: Tổ chức - Hành chính, Tài chính - Kế toán, Kế hoạch - Vật tư, Kỹ thuật - KCS, An toàn - Nghiệp vụ; (ii) Bộ phận trực tiếp SX: các PX sửa chữa, các Trạm khám chữa toa xe.

4.4. Các chi nhánh Đoàn tiếp viên (02 chi nhánh)

- (1) Chi nhánh Đoàn tiếp viên đường sắt Hà Nội
- (2) Chi nhánh Đoàn tiếp viên đường sắt Sài Gòn (đổi tên từ Đoàn Tiếp viên Phương Nam)

Mô hình tổ chức của các Chi nhánh Đoàn tiếp viên gồm: (i) 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ là: Tổ chức - Hành chính, Tài chính - Kế toán, Kế hoạch - Kinh doanh, Kỹ thuật - Nghiệp vụ; (ii) Bộ phận trực tiếp SX: Các Trạm tiếp viên đường sắt, Trạm kinh doanh dịch vụ tổng hợp/Trạm phục vụ ăn uống, Đội bảo vệ trên tàu.

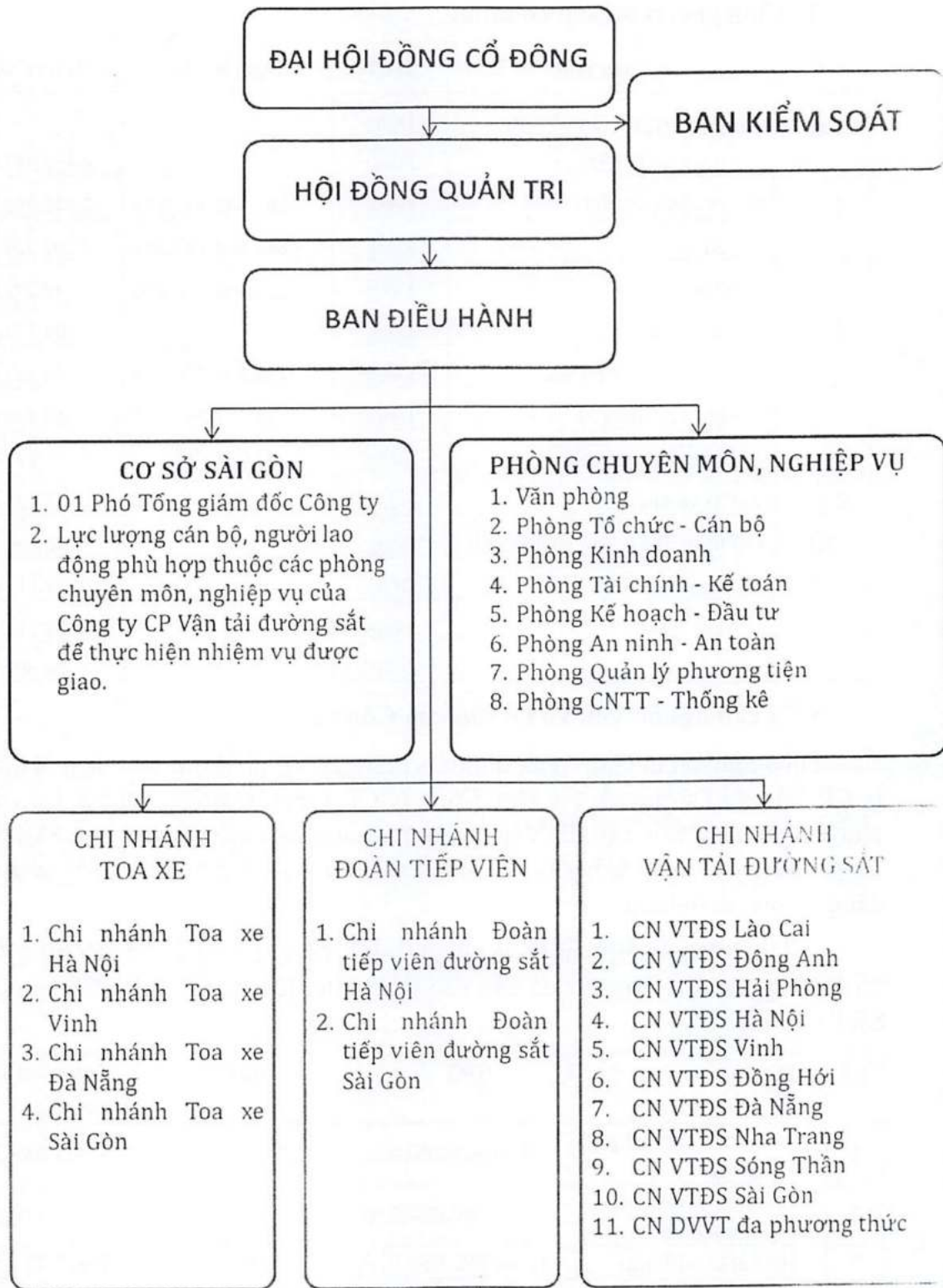
4.5. Các chi nhánh vận tải đường sắt (11 chi nhánh)

- (1) Chi nhánh VTĐS Lào Cai.
- (2) Chi nhánh VTĐS Đông Anh.
- (3) Chi nhánh VTĐS Hải Phòng.
- (4) Chi nhánh VTĐS Hà Nội.
- (5) Chi nhánh VTĐS Vinh.
- (6) Chi nhánh VTĐS Đồng Hới.
- (7) Chi nhánh VTĐS Đà Nẵng.
- (8) Chi nhánh VTĐS Nha Trang.
- (9) Chi nhánh VTĐS Sóng Thần.
- (10) Chi nhánh VTĐS Sài Gòn.
- (11) Chi nhánh Dịch vụ vận tải Đa phương thức.

Các Chi nhánh Vận tải đường sắt có nhiệm vụ chính là: Kinh doanh vận tải hàng hóa và hành khách

Mô hình tổ chức của các Chi nhánh VTĐS: (i) 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ là: Tổ chức Hành chính, Tài chính Kế toán, Kinh doanh; (ii) Bộ phận trực tiếp SX: các trạm vận tải/Trung tâm KDVT&DVTH, Đội khách hóa vận, Đội tàu...

Sơ đồ Mô hình tổ chức của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt



III. VỐN VÀ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY

1. Vốn điều lệ: (Dự kiến 1.303.689.700.000 đồng)

2. Tổng giá trị tài sản cố định:

STT	Khoản mục	ĐVT	Nguyên giá	Giá trị còn lại
2	Tổng giá trị tài sản cố định	Đồng		
2.1	Tổng giá trị TSCĐ mới	Đồng		2.350.313.947.152
2.1.1	Phương tiện vận tải	Đồng	3.261.393.334.840	2.245.759.792.111
	- <i>Toa xe</i>	Đồng	5.848.988.127.605	2.201.518.771.554
	- <i>Khác</i>	Đồng	220.368.946.158	44.241.020.557
2.1.2	Tài sản khác	Đồng		104.554.155.041
	- <i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	Đồng	139.208.246.110	34.635.400.236
	- <i>Máy móc, thiết bị</i>	Đồng	379.771.347.313	69.300.057.034
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đồng	10.034.620.142	618.697.771
2.1.3	TSCĐ vô hình	Đồng	9.752.685.868	7.433.048.990
2.2	Giá trị lợi thế quyền sử dụng đất	Đồng		15.696.049.503
2.3	Vốn vay	Đồng		1.099.117.617.767
	- <i>Ngắn hạn</i>	Đồng		184.516.908.164
	- <i>Dài hạn</i>	Đồng		914.600.709.603

3. Cơ cấu nguồn vốn và tài sản của Công ty

Theo nguyên tắc hợp nhất thì giá trị tài sản, nợ phải trả, vốn điều lệ của Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ được chuyển giao cho Công ty CP Vận tải Đường sắt bằng cách cộng ngang sổ, tại [Ngày Hợp nhất] - là ngày Công ty CP Vận tải Đường sắt nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Giả thiết [Ngày Hợp nhất] là ngày 31/3/2024, các chỉ tiêu của Công ty CP Vận tải Đường sắt dựa trên số liệu báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của HRT và SRT như sau:

TT	Chỉ tiêu	HRT	SRT	Công ty sau hợp nhất
1	Vốn điều lệ trước hợp nhất (đồng)	800.589.700.000	503.100.000.000	1.303.689.700.000
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	80.058.970	50.310.000	130.368.970
3	Tổng tài sản (đồng)	1.382.993.885.077	1.234.963.470.287	2.617.957.355.364

4. Nguồn nhân lực

Vào [Ngày Hợp Nhất], toàn bộ người lao động của Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ trở thành người lao động của Công ty CP Vận tải Đường sắt. Công ty CP Vận tải Đường sắt có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Đồng thời, Công ty CP Vận tải Đường sắt sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại. Tình hình lao động của Công ty CP Vận tải Đường sắt như sau:

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ	GHI CHÚ
A. Loại hợp đồng lao động	4877		
- HĐLĐ không xác định thời hạn	4811	98.65%	
- HĐLĐ xác định thời hạn	43	0.88%	
- Lao động không ký hợp đồng	23	0.47%	
B. Trình độ đào tạo	4867		
- Đại học và trên Đại học	1182	24.29%	Không bao gồm 10 lao động thuộc diện không ký HĐLĐ
- Cao đẳng, Trung cấp	1618	33.24%	
- Công nhân, khác	2067	42.47%	

5. Phương tiện vận tải

5.1 Toa xe khách

TT	Loại toa xe	Ký hiệu	Số lượng (xe)
	Tổng (I+II)		918
I	Toa xe 1.000mm		912
1	Xe giường nằm mềm (28)	An28	278
2	Xe giường nằm mềm (26)	An26	5
3	Xe giường nằm mềm (24)	An24	12
4	Xe giường nằm mềm (22)	An22	2
5	Xe giường nằm mềm (20)	An20	2
6	Xe giường nằm cứng (42)	Bn42	174
7	Xe giường nằm cứng (48)	Bn48	2
8	Xe ngồi mềm 2 tầng	A2T	17
9	Xe ngồi mềm 64 ghế	A64	129
10	Xe ngồi mềm 56 ghế	A56	54
11	Xe ngồi mềm 48 ghế	A48	4
12	Xe ngồi cứng 64 ghế	B64	2
13	Xe ngồi mềm	A20	1
14	Xe ngồi cứng 80 ghế	B80	61
15	Xe ghế dọc	C64	2
16	Xe hàng com	HC	56
17	Xe hàng com- Phát điện	HC-PĐ	2
18	Xe Công vụ phát điện	CV-PĐ	76
19	Xe bưu vụ	BV	3
20	Xe Bưu vụ phát điện	BV-PĐ	2
21	Xe hành lý	HL	23
22	Xe 2 trục	C20	4
23	Xe hành lý phát điện	HL-PĐ	1
II	Toa xe 1.435mm		6
1	Xe ngồi cứng	Br	1
2	Xe ghế dọc	Cr	4
3	Xe hành lý	HLr	1

5.2. Toa xe hàng

CD	CD3V	CDr	G	H	HL	Hmđ	Hr	Mc	Mvt	N	P	XT	XTBN	Tổng
48	7	2	1438	871	4	246	187	557	10	105	5	12	11	3503

6. Các phương tiện, thiết bị khác:

6.1 Phương tiện xếp dỡ

- Cầu bánh lốp: 03 chiếc (01 cầu TADANO 50 tấn tại ga Giáp Bát, 01 cầu KATO 50 tấn tại ga Yên Viên, 01 cầu TADANO 50 tấn tại ga Lào Cai)

- Xe nâng hàng: 03 chiếc (01 chiếc tại Chi nhánh VTĐS Huế, 02 chiếc tại Chi nhánh VTĐS Đông Anh)

- Xe ô tô tải: 02 chiếc (01 chiếc 2,5 tấn tại Chi nhánh VTĐS Huế, 01 chiếc tại Chi nhánh VTĐS Hà Nội).

- 01 cầu trục (tại ga Sóng Thần - CNVTĐS Sóng Thần quản lý).

6.2 Đầu máy (đầu máy dồn trong các cơ sở sửa chữa toa xe)

- Đầu máy D4H: 02 chiếc (01 chiếc tại phân xưởng sửa chữa toa xe khu ga Yên Yên và 01 chiếc tại Chi nhánh Toa xe Vinh).

- Đầu máy dồn trong xưởng: 04 máy (02 máy GE-D9E + 02 máy D4H).

- Đầu máy kéo tàu: 02 máy D4H (khai thác tuyến Đà Lạt - Trại Mát)

- Xe ô tô Zin cải tạo thành máy dồn tại phân xưởng sửa chữa toa xe khu ga Hà Nội: 01 chiếc

6.3 Phương tiện cứu hộ: (các đoàn cứu hộ)

- Toa xe chuyên dùng nhiệm sở: 13 chiếc

- Cầu đường sắt: 05 đoàn (Đoàn cầu Kirow 100 tấn, đoàn cầu KC 5363, đoàn cầu NS 1003 (đường 1,435m), 02 Đoàn cầu ORTON 40t).

- Phương tiện cứu hộ: 03 cầu cứu hộ (01 Kirow, 02 Orton)

- Xe ô tô khách 15 chỗ: 01 chiếc.

- Xe ô tô tải: 03 chiếc (01 chiếc tại ga Đồng Hới, 01 chiếc tại ga Giáp Bát và 01 chiếc tại ga Giáp Bát).

- Kí cứu hộ: 52 cái (44 cái 50 tấn; 02 cái 30 tấn; 06 ky sàng Đức)

- Máy phát điện: 10 chiếc

- Thiết bị phục vụ cứu hộ: 06 bộ

- Thiết bị túi khí nâng: 03 cái

- Và các trang thiết bị phục vụ cứu hộ, cứu nạn khác

7. Các hợp đồng hợp tác, Dự án đang triển khai thực hiện

7.1 Hợp đồng hợp tác

- Hợp đồng thuê toa xe, thực hiện các dịch vụ và tổ chức khai thác vận chuyển toa xe A31601 với Công ty TNHH Du lịch Bãi Dài.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh khu nhà xưởng 831 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh với Công ty cổ phần Bến Thành Ô tô.

- Hợp đồng thuê khoán 09 biệt thự tại số 01 Quang Trung, Đà Lạt với Công ty cổ phần thương mại đầu tư Đường sắt Đông Dương (đang xin chuyển đổi sang hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh).

- Hợp đồng thuê khoán Khách sạn Faifo và các khu phụ trợ tại số 200-200A Hải Phòng - Đà Nẵng với Công ty cổ phần thương mại đầu tư Đường sắt Đông Dương.

- Hợp đồng đầu tư - khai thác - chuyển giao kho hàng 15A, 15B, 15C và bãi hàng đường 15, 16 ga Yên Viên, Đường sắt Việt Nam.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần xây dựng thương mại Sông Lam về việc đầu tư nâng cấp, cải tạo và khai thác 02 toa xe khách.

- Hợp đồng hợp tác cải tạo phương tiện và tổ chức khai thác vận chuyển container hàng hóa với Công ty cổ phần ICD tân cảng Sóng Thần.

- Hợp đồng hợp tác sửa chữa và khai thác bãi hàng An Bình và ga Sóng Thần với Công ty cổ phần ICD Tân cảng Sóng Thần.

7.2. Dự án đang thực hiện

- Dự án Đầu tư mới 50 toa xe G

- Các dự án đầu tư phát triển năm 2023 của Công ty VTHN và Công ty VTSG chuyển tiếp sang Công ty hợp nhất.

8. Quan hệ kinh doanh và các quan hệ khác với bên thứ ba:

8.1. Quan hệ kinh doanh

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 05% vốn của Công ty hợp nhất

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Số 118, Lê Duẩn, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	0100105052	113.616.058	87,15%

8.2. Quan hệ với người có liên quan khác: không có

8.3. Quan hệ các bên thứ ba

- Về vận tải hành khách: Các tổ chức hợp nhất có quan hệ kinh doanh với hành khách mua vé đi tàu trực tiếp tại các địa điểm bán vé hoặc thông qua các website của Công ty; những doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành; Cục Vận tải - Bộ Quốc phòng để vận chuyển hành khách theo nhu cầu riêng.

- Về vận tải hàng hóa:

+ Duy trì và phát triển sâu rộng các thoả thuận hợp tác sử dụng sản phẩm của nhau với các Tập đoàn, Tổng công ty trong Đảng uỷ Khối doanh nghiệp trung ương như Tập đoàn Hoá chất, Tập đoàn xăng dầu, Tổng công ty Xi măng, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam vv.. Giữ thị phần vận tải các luồng hàng hiện nay đang vận chuyển

ổn định như: Apatit, phân bón, vật liệu xây dựng, than, luồng hàng LVQT, tàu chuyên tuyến chú trọng tàu nhanh để vận chuyển buru phẩm chuyên phát nhanh, những hàng có giá trị cao cạnh tranh với phương tiện vận tải khác như ô tô, máy bay; Chú trọng phối hợp vận chuyển an toàn các mặt hàng có giá trị cao, hàng “bảo mật” vận chuyển cho kho bạc nhà nước, hàng quân sự vũ khí, súng đạn, xe tăng, xe bọc thép, quân lương quân trang... Tăng cường khai thác thêm các luồng hàng có khối lượng lớn vận chuyển ổn định như quặng xi từ Nhà máy nhiệt điện Na Dương đi các ga; luồng hàng hoa quả vận chuyển bằng container lạnh thu gom từ các tỉnh miền nam Trung bộ đi phía bắc xuất sang Trung Quốc; luồng hàng sắt thép từ các nhà máy gang thép Thái Nguyên, thép Việt Trung đi các ga; luồng hàng tại các khu công nghiệp như linh kiện điện tử máy móc vận chuyển trong nước và xuất ra nước ngoài...

+ Duy trì và tiếp tục thực hiện hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng tàu hàng chuyên tuyến đối với một số doanh nghiệp sau:

- Công ty TNHH Dịch vụ TMDV Xuất nhập khẩu Vạn Thành Đạt.
- Công ty TNHH Dịch vụ vận chuyển Hà Nam.
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ EZLIFE.
- Công ty TNHH VTTM Vạn Thiên Phúc.
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hoa Lâm.
- Công ty TNHH Vận tải Thuận Việt.
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Nam Thành-TRUST.
- Công ty TNHH Vận tải An Việt Thái.
- Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Đường sắt - Ratraco.

Ngoài ra, còn có các cá nhân và doanh nghiệp, Cục vận tải - Bộ Quốc phòng thường xuyên vận chuyển hàng hóa bằng tàu hàng thường, tàu hàng khu đoạn trên các tuyến đường sắt.

+ Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt tiếp tục phối hợp, hợp tác với các tập đoàn, Tổng công ty lớn để giữ thị phần vận tải các luồng hàng hiện nay đang vận chuyển ổn định như: Apatit, phân bón, vật liệu xây dựng, than, luồng hàng LVQT, tàu chuyên tuyến chú trọng tàu nhanh để vận chuyển buru phẩm chuyên phát nhanh, những hàng có giá trị cao cạnh tranh với phương tiện vận tải khác như ô tô, máy bay; Chú trọng phối hợp vận chuyển an toàn các mặt hàng có giá trị cao, hàng “bảo mật” vận chuyển cho kho bạc nhà nước, hàng quân sự vũ khí, súng đạn, xe tăng, xe bọc thép, quân lương quân trang... Tăng cường khai thác thêm các luồng hàng có khối lượng lớn vận chuyển ổn định như quặng xi từ Nhà máy nhiệt điện Na Dương đi các ga; luồng hàng hoa quả vận chuyển bằng container lạnh thu gom từ các tỉnh miền nam Trung bộ đi phía bắc xuất sang Trung Quốc; luồng hàng sắt thép từ các nhà

máy gang thép Thái Nguyên, thép Việt Trung đi các ga; luồng hàng tại các khu công nghiệp như linh kiện điện tử máy móc vận chuyển trong nước và xuất ra nước ngoài...

9. Mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh

9.1. Mục tiêu kinh doanh

- Phần đầu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu do cấp có thẩm quyền giao, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; đảm bảo đủ việc làm, nâng cao đời sống người lao động. Nâng cao năng lực cạnh tranh, phần đầu từng bước tăng thị phần vận tải cả về hành khách, hàng hoá.

- Kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, ngành nghề kinh doanh phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Kinh doanh vận tải đường sắt là ngành nghề kinh doanh chính, cốt lõi của Công ty đồng thời phát triển kinh doanh các dịch vụ hỗ trợ để gia tăng giá trị sản phẩm, tăng doanh thu tạo thêm việc làm cho người lao động.

- Bảo toàn vốn và tài sản của Doanh nghiệp; đảm bảo lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận trên vốn của Doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty.

- Đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động.

9.2. Nhiệm vụ kinh doanh

- Xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh phù hợp với từng thời điểm, đảm bảo duy trì và phát triển vốn; kinh doanh có lãi, có hiệu quả. Doanh thu vận tải phần đầu tăng trưởng bình quân hàng năm là 4,5%, dịch vụ hỗ trợ vận tải và các dịch vụ khách tăng tối thiểu 10%/năm trở lên. Quý IV/2024 là quý đầu tiên của Công ty Hợp nhất dự kiến lợi nhuận không cao, từ năm 2025 trở đi phần đầu lãi từ 1 - 2% so với vốn điều lệ của Công ty, hoàn thành nghĩa vụ ngân sách và phần đầu thu nhập bình quân người lao động đạt trên 8.000.000 đồng/người/tháng, tăng trên 8% mỗi năm.

- Thực hiện nhiều chương trình khuyến mại, chăm sóc khách hàng để duy trì khách hàng cũ, tìm kiếm đối tượng khách hàng mới cho Công ty.

- Nghiên cứu tìm kiếm nhiều hình thức, loại hình kinh doanh mới phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty để nâng cao sản lượng, doanh thu.

- Không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng phương tiện, chất lượng dịch vụ; tìm kiếm và xây dựng phương án hợp tác với các đối tác, Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty lớn để cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao để phục vụ khách hàng.

- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác hàng hoá liên vận quốc tế, giai đoạn này Tổng công ty đã đưa vào khai thác sản phẩm dịch vụ vận tải hàng hóa mới như: đoàn tàu container Liên vận quốc tế đi Bỉ và đoàn tàu chở container đầu tiên từ Hà Nội đi Trùng Khánh chạy thẳng Châu Âu...; cố gắng khai thác hết năng lực chạy tàu tuyến

Đông - Tây, khi dư địa luồng hàng liên vận quốc tế Hải Phòng - Vân Nam còn phong phú. Xúc tiến các biện pháp tháo gỡ các nút thắt cơ chế, chính sách để nâng cao sản lượng hàng hoá liên vận quốc tế đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng- Bằng Tường- Nam Ninh đến các địa phương khác của Trung Quốc, và đi các nước thứ 3; tiến tới đưa hàng xuất khẩu sang Nga, Châu Âu,...

- Nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ tàu chuyên tuyến, tàu container Bắc Nam... để bù đắp sản lượng sụt giảm của các tuyến phía Bắc. Thúc đẩy các hoạt động Logistics, đầu tư nâng cao chất lượng hệ thống quản trị qua ứng dụng CNTT, từng bước dần chuyển hướng tổ chức phân phối các nguồn hàng từ kho, ga đến các đại lý, siêu thị, cửa hàng tiện ích,... nâng cao giá trị và hiệu quả trong chuỗi Logistics. Nghiên cứu phương án tiếp tục đầu tư phương tiện vận chuyển, xếp dỡ chuyên dùng tại các ga đầu mối đảm bảo hiệu quả SXKD đồng thời nâng cao năng suất, khối lượng xếp dỡ và gia tăng tiện ích cho khách hàng.

- Phối hợp, hợp tác với các Tập đoàn, Tổng công ty lớn để giữ thị phần vận tải các luồng hàng hiện nay đang vận chuyển ổn định như: Apatit, phân bón, vật liệu xây dựng, than, luồng hàng LVQT, lập tàu chuyên tuyến chú trọng tàu nhanh để vận chuyển bưu phẩm chuyển phát nhanh, hàng hóa có giá trị cao cạnh tranh với phương tiện vận tải khác.

- Tiếp tục số hóa công tác quảng cáo tiếp thị, công tác bán hàng và khâu tiếp nhận vận chuyển; kiên trì thúc đẩy nâng cao chất lượng vận tải, chất lượng phục vụ khách hàng, nhất là công tác vệ sinh và giao tiếp với hành khách, chủ hàng; nâng cao khả năng cạnh tranh với các phương thức vận tải.

a) Về vận tải hàng hóa

- Phối hợp, hợp tác với các Tập đoàn, Tổng công ty lớn để giữ thị phần vận tải các luồng hàng hiện nay đang vận chuyển ổn định như: Apatit, phân bón, vật liệu xây dựng, than, luồng hàng LVQT, tàu chuyên tuyến chú trọng tàu nhanh để vận chuyển bưu phẩm chuyển phát nhanh, những hàng có giá trị cao cạnh tranh với phương tiện vận tải khác như ô tô, máy bay.

- Chú trọng phối hợp vận chuyển an toàn các mặt hàng có giá trị cao, hàng “bảo mật” vận chuyển cho kho bạc nhà nước, hàng quân sự vũ khí, súng đạn, xe tăng, xe bọc thép, quân lương quân trang...

- Tăng cường khai thác thêm các luồng hàng có khối lượng lớn vận chuyển ổn định như quặng xi từ Nhà máy nhiệt điện Na Dương đi các ga; luồng hàng hoa quả vận chuyển bằng container lạnh thu gom từ các tỉnh miền nam Trung bộ đi phía bắc xuất sang Trung Quốc; luồng hàng sắt thép từ các nhà máy gang thép Thái Nguyên, thép Việt Trung đi các ga; luồng hàng tại các khu công nghiệp như linh kiện điện tử máy móc vận chuyển trong nước và xuất ra nước ngoài...

- Tổ chức các đoàn tàu hàng nhanh, chạy suốt trên tuyến Bắc - Nam và kéo dài kết nối với vận tải liên vận quốc tế để phục vụ xuất nhập khẩu bằng đường sắt.

- Tăng cường phương thức vận tải hàng hóa bằng container để thuận lợi kết nối với các phương thức vận tải khác, giảm giá thành cũng như thời gian tác nghiệp, phần đầu trong trong thời gian tới vận tải container chiếm tỷ trọng khoảng 65%.

b) Về vận tải hành khách

- Trong giai đoạn này, Công ty tiếp tục hướng đến thay đổi tư duy trong kinh doanh vận tải hành khách; tập trung nghiên cứu nhu cầu của hành khách để đưa ra những sản phẩm ngày càng tiệm cận với nhu cầu của khách hàng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, tiện ích, thuận lợi và đa dạng hóa dịch vụ vận tải trong vận chuyển hành khách⁽²⁾; triển khai phương thức bán vé linh hoạt: bán vé đa phương thức, bán một vé đi nhiều tuyến, thanh toán điện tử thuận lợi, đổi vé, giảm giá, khuyến mại...). Tiếp tục duy trì các mức tàu, tuyến đường mang lại doanh thu hiệu quả cao; đồng thời nghiên cứu, đưa ra các giải pháp, phương án vận tải hành khách trên các đoạn tuyến trung bình, ngắn thay thế đường dài, giảm bớt các đoàn tàu hiệu quả thấp.

Bám sát nhu cầu thị trường vận tải mở thêm tuyến mới để mở rộng thị trường; phát triển hệ thống bán vé rộng khắp, chú trọng vào vùng thị xã, thị trấn và các hình thức hợp tác để thu hút luồng khách người nước ngoài.

Tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ, lấy chất lượng làm yếu tố cơ bản để cạnh tranh với các phương tiện vận tải khác; tập trung thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh đoàn tàu trong suốt hành trình; kiểm soát chất lượng trang thiết bị phục vụ hành khách; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ ăn uống trên tàu. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại nhân viên kinh doanh và nhân viên trực tiếp tiếp xúc với khách hàng để xây dựng được đội ngũ phục vụ có kỹ năng, chuyên nghiệp, tạo được hình ảnh thương hiệu của ngành đường sắt.

- Tập trung nguồn lực để phát triển kinh doanh hành khách trên tuyến Thống nhất. Trong các dịp cao điểm Tết sẽ tăng cường tàu Thống nhất chạy suốt, còn trong dịp cao điểm hè và thời gian thấp điểm chỉ duy trì chỉ từ 3 đến 4 đôi tàu suốt Hà Nội - Sài Gòn và tăng cường thêm các tàu khu đoạn có mật độ hành khách đi lại đông.

- Xây dựng chính sách ưu đãi cho các công ty du lịch để đẩy mạnh khai thác khách du lịch nước ngoài trên tuyến Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Huế. Xây dựng các chính sách giá vé riêng cho các đơn vị du lịch đăng ký đặt chỗ cố định để thu hút khách du lịch đi lại bằng đường sắt (đặc biệt là trước khi đường bộ cao tốc thông tuyến từ Hà Nội đến Sapa vào cuối năm nay).

⁽²⁾ Tổng công ty đã đa dạng hóa dịch vụ vận chuyển hành khách bằng việc tổ chức bán vé nguyên khoang, nguyên toa (khoang từ 4 đến 6 giường, toa cộng đồng) để đảm bảo an toàn và đáp ứng nhu cầu của hành khách muốn có không gian riêng khi đi tàu cùng gia đình, người thân hoặc theo nhóm, tổ chức đưa đón khách tại nhà theo nhu cầu .v.v. Ngoài ra, các Công ty CP vận tải đường sắt còn phối hợp với ngành du lịch các địa phương để khai thác các tour du lịch trọn gói kết nối từ đường sắt với đường bộ đến các điểm du lịch tại địa phương để khai thác hiệu quả luồng khách mùa du lịch.

- Tiếp tục, tổ chức lại các đôi tàu khách liên vận quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc.

c) Về dịch vụ

- Chú trọng phát triển các dịch vụ hỗ trợ vận tải, trong đó ưu tiên phát triển, mở rộng dịch vụ đầu cuối.

- Tiếp tục phát triển mạnh dịch vụ Harapost, dịch vụ trọn gói từ kho đến kho, dịch vụ du lịch.

- Hợp tác, liên doanh liên kết kết hợp giữa vận tải và làm đại lý phân phối sản phẩm cho các nhà sản xuất, như: phân bón, nước giải khát, bia, ...

- Tham gia trong chuỗi dịch vụ logistics, vận tải liên vận quốc tế qua Trung Quốc và các nước khác.

d) Về công tác an toàn

- Thường xuyên rà soát, kiện toàn bộ máy và lực lượng tham gia kiểm tra về công tác an toàn; tăng cường kiểm tra đột xuất, kiểm tra việc thực hiện tác nghiệp của các bộ phận tại các ga tàu xuất phát, các kho hàng và các địa điểm sản xuất có nguy cơ cháy nổ cao; giám sát và thực hiện tốt các quy định về tiếp nhận, xếp dỡ hàng hóa và hành lý, nâng cao nhất lượng nghiệm thu vật tư phụ tùng và nghiệm thu toa xe sau sửa chữa; tiếp tục có biện pháp hữu hiệu để nâng cáo chất lượng chỉnh bị, sửa chữa và bảo dưỡng toa xe.

- Giám sát chặt chẽ công tác khám chữa, chỉnh bị toa xe tại ga xuất phát và khâu nghiệm thu vật tư phụ tùng, máy móc thiết bị trước khi lắp đặt vào toa xe; đảm bảo luôn có đủ vật tư phụ tùng toa xe để phục vụ công tác sửa chữa, vận dụng toa xe, tránh kéo dài thời gian sửa chữa hoặc phải dừng vận dụng do chờ vật tư thay chữa, tuy nhiên cần tính toán, dự báo khoa học để hạn chế tổn động vật tư phụ tùng dẫn đến lạc hậu, mất vốn; có biện pháp chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm bộ phận, cá nhân trực tiếp giám sát, quản lý chất lượng, tiến độ sửa chữa toa xe.

đ) Định hướng đầu tư phương tiện

Nghị định số 65/2018/NĐ-CP và Nghị định số 01/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 65/2018/NĐ-CP, trong thời gian tới một số lượng lớn đầu máy, toa xe đang khai thác của Tổng công ty sẽ hết niên hạn sử dụng, ngoài ra số lượng lớn toa xe của đường sắt được khai thác từ lâu cũng cần được thay thế, đóng mới để nâng cao chất lượng phục vụ hành khách. Do đó, Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2026 trình Ủy ban QLNN tại Công văn số 1968/TTr-ĐS, ngày 31/7/2020 đã làm rõ nhu cầu đóng mới đầu máy toa xe trong giai đoạn này là rất lớn với tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 3.769 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án đầu tư đầu máy của Công ty Mẹ (dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020): 1.109 tỷ đồng.

- Các dự án đầu tư toa xe của Công ty CP vận tải đường sắt nhằm thay thế dần các toa xe lạc hậu kỹ thuật, hết niên hạn sử dụng, đồng thời bổ sung toa xe phục vụ nhu cầu vận tải: 2.660 tỷ đồng. Danh mục dự án gồm mua mới 140 toa xe khách, 700 toa xe hàng; nâng cấp cải tạo 30 toa xe khách.

Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2026 đang được Ủy ban QLVNN tại DN xem xét phê duyệt. Tổng công ty ĐSVN sẽ thực hiện bổ sung và xin điều chỉnh định kỳ hàng năm căn cứ Kế hoạch tổng thể được phê duyệt, nguồn lực của doanh nghiệp và nhu cầu thực tế từ hoạt động SXKD.

Ngoài ra, khi Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp đột phá triển khai thỏa thuận tại Hội nghị COP26 được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, Tổng công ty ĐSVN sẽ phải đầu tư đầu máy sử dụng nhiên liệu sạch, ít phát thải để thay thế đầu máy, toa xe phát điện và phương tiện bốc dỡ tại ga đang sử dụng hiện nay theo lộ trình đề xuất như sau:

- Đến năm 2035: Nghiên cứu, triển khai thí điểm áp dụng đoàn tàu khách sử dụng nhiên liệu sạch (điện, hydrogen, pin v.v) không phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2045: 100% thiết bị bốc xếp tại ga sử dụng điện.

- Đến năm 2050: Chuyển đổi 100% đầu máy, toa xe phát điện đường sắt sử dụng nhiên liệu sạch, nhiên liệu tổng hợp (không phát thải KNK) theo lộ trình, trình độ công nghệ sản xuất đầu máy toa xe trên thế giới, và khả năng đầu tư của doanh nghiệp vận tải đường sắt.

e) Về công tác sửa chữa toa xe

- Hằng năm Công ty cần sửa chữa khoảng 797 toa xe khách (SCL 133 xe, SCN 664 xe), toa xe hàng khoảng 2314 xe (SCL 272 xe, SCN 2042 xe), trong đó, các đơn vị trong Công ty phân đầu thực hiện khoảng 2876 toa xe, trong đó toa xe khách khoảng 787 xe (SCL 123 xe, SCN 664 xe), toa xe hàng khoảng 2089 xe (SCL 247 xe, SCN 1842 xe).

- Đảm bảo toa xe sửa chữa đưa ra vận dụng không bị phản công, đủ tiêu chuẩn phục vụ hành khách, đủ điều kiện để xếp và chở hàng, hạn chế tối đa sự cố dọc đường, nhất là các sự cố gây mất an toàn chạy tàu. Sửa chữa lâm tu hư hỏng đột xuất nhanh chóng để lấy xe vận dụng, tiếp tục rút ngắn ngày dừng sửa chữa các cấp.

e) Nhanh chóng hoàn thành công tác bàn giao, ổn định tổ chức, xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định, các định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ SXKD, xây dựng thương hiệu Công ty hợp nhất.

g) Ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật mới vào công tác sửa chữa toa xe và các mặt quản lý và điều hành SXKD.

Phần 2
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
QUÝ IV NĂM 2024, NĂM 2025

Hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt của Công ty thực hiện theo Luật Đường sắt, Quy chế kinh doanh đường sắt ban hành theo Quyết định của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của các Công ty trước khi hợp nhất thành Công ty cổ phần vận tải Đường sắt trong năm 2024 kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2024, năm 2025 như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH:

1. Kinh doanh vận tải đường sắt

a) Kinh doanh vận tải hành khách, hành lý:

- Kinh doanh vận tải hành khách, hành lý trong nước;
- Kinh doanh vận tải hành khách, hành lý liên vận Quốc tế.

b) Kinh doanh vận tải hàng hóa:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa trong nước;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa liên vận Quốc tế.

2. Cung cấp dịch vụ tác nghiệp vận tải đường sắt cho các Công ty VTĐS

- a) Giao nhận hàng hóa và hành lý.
- b) Đại lý bán vé tàu hỏa.
- c) Đón tiễn hành khách đi tàu.
- d) Thực hiện tác nghiệp kỹ thuật toa xe.
- đ) Cho thuê sử dụng toa xe.
- e) Kéo thuê toa xe hàng.
- g) Các dịch vụ tác nghiệp vận tải đường sắt khác.

3. Kinh doanh dịch vụ khác

- a) Kinh doanh xếp dỡ, lưu kho và bảo quản hàng hóa.
- b) Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.
- c) Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị vận tải.
- d) Sản xuất, chế tạo phụ tùng, cấu kiện kim loại, container và gia công cơ khí.
- đ) Kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý và hàng hóa bằng đường sắt.

- e) Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và liên vận Quốc tế.
- f) Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không.
- g) Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- h) Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, kho hàng, bãi hàng, bãi đỗ xe, ki ốt, các công trình văn hóa, thể thao.
- i) Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác.
- k) Đại lý bảo hiểm các loại, đại lý phân phối hàng hóa.
- l) Các hoạt động kinh doanh khác không trái với quy định của pháp luật.

4. Kinh doanh tài chính

- Hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết.
- Đầu tư vốn, góp vốn, mua cổ phần, trái phiếu,...

II. THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN KINH DOANH

1. Điều kiện kinh doanh

- 1.1. Đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh (theo quy định của pháp luật)
- 1.2. Tổ chức bộ máy, cán bộ và lao động đủ điều kiện hoạt động, hành nghề theo quy định của pháp luật.
- 1.3. Sắp xếp, bổ sung nguồn lực đáp ứng yêu cầu về kinh doanh nói chung và kinh doanh vận tải đường sắt nói riêng

2. Tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh

- 2.1. Ký hợp đồng thuê điều hành giao thông vận tải đường sắt, thuê sức kéo và thuê thực hiện các dịch vụ hỗ trợ vận tải với Tổng công ty ĐSVN
- 2.2. Ký hợp đồng vận tải với khách hàng
- 2.3. Ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng các sản phẩm tác nghiệp vận tải với Ratraco và các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt.
- 2.4. Ký kết hợp đồng khác: Cho thuê phương tiện, sửa chữa phương tiện, hợp tác đầu tư, ...
- 2.5. Tổ chức chạy tàu vận tải hàng hóa, hành khách và hành lý trên các tuyến đường sắt.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH QUÝ IV NĂM 2024, NĂM 2025

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của các Công ty trước khi hợp nhất

1.1. Sản lượng và doanh thu vận tải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty VTĐS Hà Nội	Công ty VTĐS Sài Gòn	Tổng
1	Tấn xếp HH	Tấn	3.087.671	658.861	3.746.532
2	Tấn.Km HH	1.000T.Km	1.974.464	863.711	2.838.175
3	HK lên tàu	HK	3.530.533	2.582.237	6.112.770
4	HK.Km	1.000HK.Km	1.087.546	1.122.232	2.209.778
5	Tấn xếp HL	Tấn	25.210	6.148	31.358
6	Tấn.Km HL	1.000T.Km	17.990	4.794	22.784
7	Tấn.Km TĐ	1.000T.Km	3.080.696	1.990.737	5.070.737
8	Tổng doanh thu	1.000đ	2.169.035.689	1.511.872.035	3.680.907.724
8.1	D.Thu theo tàu hàng	1.000đ	1.018.206.021	309.489.619	1.327.695.640
8.2	D.Thu theo tàu khách	1.000đ	1.149.800.915	1.185.602.975	2.335.403.890
8.2.1	D.Thu HH theo tàu khách	1.000đ	29.414.181	45.141.737	74.555.918
8.2.2	D.Thu HK	1.000đ	1.091.466.543	1.130.073.122	2.221.539.665
8.2.3	D.Thu HL	1.000đ	28.920.191	10.388.116	39.308.307
8.3	Thu khác	1.000đ	1.028.753	16.779.442	17.808.195
8.4	Suất thu bq HH	Đ/T.Km	516	382	468
8.5	Suất thu bq HK	Đ/HK.Km	1004	1.007	1.057

1.2. Sản lượng, doanh thu các dịch vụ hỗ trợ khác ngoài vận tải:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty VTĐS Hà Nội	Công ty VTĐS Sài Gòn	Tổng
1	Dịch vụ hỗ trợ vận tải và kinh doanh khác	206.292	105443	311.735
2	Dịch vụ cung cấp sản phẩm tác nghiệp	90.950	74372	165.322
3	Doanh thu hoạt động tài chính	10.662	155	10.817
4	Thu nhập khác (thanh lý tài sản, ...)	14.926	16472	31.398
	Tổng D.Thu	322.830	196.442	519.272

1.3 Tổng hợp chi phí

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty VTĐS Hà Nội	Công ty VTĐS Sài Gòn	Tổng
1	Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.425.459	1.653.449	4.078.908
a	Chi phí quản lý tập trung tại Công ty	1.531.993	1.002.770	2.534.763
-	Nộp phí sử dụng cơ sở hạ tầng	129.412	92.775	222.187
-	Chi ĐHGTT, sức kéo và tác nghiệp trả ĐSVN	1.142.845	738.238	1.881.083
-	Thanh toán sản phẩm tác nghiệp với Sài Gòn	61.005	52.048	113.053
-	Thanh toán sản phẩm tác nghiệp với Ratraco	4.273	1.954	6.227
-	Trích khấu hao tài sản cố định	101.343	71.936	173.279
-	Chi sửa chữa lớn tài sản cố định	27.443	40.086	67.529
-	Các chi phí tập trung khác	65.672	5.733	71.405
b	Chi phí vận tải tại các đơn vị và Cơ quan	698.114	551.018	1.249.132
c	Chi phí kinh doanh khác (hỗ trợ vận tải)	195.352	99.661	295.013
2	Chi phí tài chính	49.174	40.997	90.171
3	Chi phí khác	3.167	2.607	5.774
4	Chi phí dự phòng	0		0
	Trợ cấp thôi việc, bảo lữ, tai nạn, lương làm thêm giờ, Lễ, Tết,...			0
	Tổng cộng	2.477.800	1.697.053	4.174.853

1.4. Kết quả sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty VTĐS Hà Nội	Công ty VTĐS Sài Gòn	Tổng
1	Kế hoạch đầu tư XDCB	Triệu đồng			
2	Vốn điều lệ	nt	800.589	503.100	1.303.689
3	Tổng doanh thu	nt	2.491.866	1.708.313	4.200.180
3.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	nt	2.466.278	1.691.686	4.157.965
a	Doanh thu vận tải	nt	2.169.036	1.511.871	3.680.908
-	Doanh thu theo tàu hàng	nt	1.047.620	354.631	1.402.252
-	Doanh thu theo tàu khách	nt	1.120.387	1.140.461	2.260.848
-	Thu vận tải khác	nt	1.029	16.779	17.808
b	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải và kinh doanh khác	nt	297.242	179.815	477.057
-	Dịch vụ hỗ trợ vận tải và kinh doanh khác	nt	206.292	105.443	311.735
-	Dịch vụ cung cấp sản phẩm tác nghiệp	nt	90.950	74.372	165.322

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Công ty VTĐS Hà Nội	Công ty VTĐS Sài Gòn	Tổng
3.2	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	nt	10.662	155	10.817
3.3	<i>Thu nhập khác (thanh lý tài sản,...)</i>	nt	14.926	16.472	31.398
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	2.477.800	1.697.551	4.175.351
4.1	<i>Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	nt	<i>2.425.459</i>	<i>1.653.947</i>	<i>4.079.406</i>
a	Chi phí quản lý tập trung tại Công ty	nt	1.531.993	1.002.770	2.534.763
-	Nộp phí sử dụng cơ sở hạ tầng	nt	129.412	92.775	222.187
-	Chi ĐHTG, sức kéo và TN trả ĐSVN	nt	1.142.845	738.238	1.881.083
-	Thanh toán sản phẩm TN với Sài Gòn	nt	61.005	52.048	113.053
-	Thanh toán sản phẩm TN với Ratraco	nt	4.273	1.954	6.227
-	Trích khấu hao tài sản cố định	nt	101.343	71.936	173.279
-	Chi sửa chữa lớn tài sản cố định	nt	27.443	40.086	67.529
-	Các chi phí tập trung khác	nt	65.672	5.733	71.405
b	Chi phí vận tải tại các đơn vị và cơ quan	nt	698.114	551.018	1.249.132
c	Chi phí kinh doanh khác	nt	195.352	99.661	295.013
4.2	<i>Chi phí tài chính</i>	nt	<i>49.174</i>	<i>40.997</i>	<i>90.171</i>
4.3	<i>Chi phí khác</i>	nt	<i>3.167</i>	<i>2.607</i>	<i>5.774</i>
4.4	<i>Chi phí dự phòng</i>	nt			0
	Lương làm thêm giờ ; Trợ cấp thôi việc, bảo lữ, tai nạn,...	nt			0
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.066	10.762	24.829
	- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.066	10.762	24.829
6	Tổng số lao động bình quân	Người		1.755	1.755
7	Tiền lương bình quân/người/tháng	Triệu đồng		11,7	
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	0,56	0,63	0,59
9	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	1,76	2,14	1,90
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	0,56	0,63	0,59
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	1,76	2,14	1,90

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

2. 1. Kinh doanh vận tải đường sắt:

Căn cứ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh vận tải của Công ty Vận tải Đường sắt:

- Nghị quyết số 04-NQ-ĐU ngày 20/4/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về nâng cao năng lực đường sắt

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 ngày 08/9/2020

Bảng số 1: Kế hoạch sản xuất kinh doanh vận tải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý IV/2024	Kế hoạch năm 2025
I. Vận chuyển hàng hóa					
1	Vận chuyển theo tàu hàng				
1.1	Tấn xếp	Tấn	3.731.109	1.061.595	3.575.874
1.2	Tấn dỡ	Tấn	2.794.091	937.476	3.342.000
1.3	Tấn.Km	1.000T.Km	2.811.580	768.231	2.966.230
1.4	Doanh thu hàng hóa	Triệu đồng	1.327.696	381.282	1.446.000
2	Vận chuyển theo tàu khách			0	0
2.1	Tấn xếp	Tấn	15.423	10.218	52.666
2.2	Tấn.Km	1.000T.Km	26.595	18.786	92.250
2.3	Doanh thu hàng hóa	Triệu đồng	74.556	17.992	81.622
3	Vận chuyển hàng hóa			0	0
3.1	Tấn xếp	Tấn	3.746.532	1.071.813	3.628.540
3.2	Tấn.Km	1.000T.Km	2.838.175	787.017	3.058.480
3.3	Doanh thu hàng hóa	Triệu đồng	1.402.252	399.274	1.527.622
II Vận chuyển hành khách + hành lý					
1.1	Hành khách lên tàu	Người	6.112.770	1.327.580	6.765.640
1.2	Hành khách.Km	1.000HK.Km	2.209.778	432.204	2.418.265
1.3	Doanh thu hành khách	Triệu đồng	2.221.540	412.668	2.488.247
2	Vận chuyển hành lý			0	0
2.1	Tấn xếp hành lý	Tấn	31.358	8.716	36.403
2.2	Tấn.Km hành lý	1.000T.Km	22.784	6.780	26.586
2.3	Doanh thu hành lý	Triệu đồng	39.308	8.227	46.486
III	Tính Km tính đổi	1.000T.Km	5.070.737	1.226.001	5.503.331
	Trong đó				
	Vận chuyển hàng hóa (H+K)		2.838.175	787.017	3.058.480
	Vận chuyển hành khách (HK+HL)		2.232.562	438.984	2.444.851
IV	Doanh thu vận tải	Triệu đồng	3.680.908	827.169	4.072.355
	Trong đó				
	Doanh thu hàng hóa		1.402.252	399.274	1.527.622

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý IV/2024	Kế hoạch năm 2025
	<i>Doanh thu hành khách</i>		2.260.848	420.895	2.534.733
	<i>Thu khác</i>		17.808	7.000	10.000
V	Doanh thu hỗ trợ vận tải	Triệu đồng	519.272	120.455	636.262
VI	Tổng doanh thu (DTVVT+DTHTVT)	Triệu đồng	4.200.180	947.624	4.708.268

2.2 Cung cấp dịch vụ tác nghiệp vận tải đường sắt cho các Doanh nghiệp kinh doanh vận tải

Bảng số 02. Kế hoạch sản lượng và doanh thu từ tác nghiệp với Ratraco

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2023	KH. Quý IV/2024	KH. Năm 2025
1	Kéo toa xe hàng	Xe.Km	2.407.335	670.480	2.375.730
		Vận T.Km TT	525.245	97.966	505.102
2	Cho thuê toa xe hàng	Ngày xe	98.902	1.208	37.824
3	Tác nghiệp kỹ thuật toa xe hàng	Lượt xe	11.453.528	3.063.608	11.923.191
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	24.910	7.452	26.947

2.3 Kinh doanh các dịch vụ khác

Bảng số 04. Kế hoạch doanh thu hoạt động kinh doanh khác

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhóm, loại hình dịch vụ	Thực hiện Năm 2023		KH. Quý IV/2024		KH. Năm 2025	
		Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn	Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn	Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn
I	Nhóm 1	15.391	2.009	4.503	503	16.570	2.070
1	Dịch vụ khai thác vận tải đường sắt	15.391	2.009	4.503	503	16.570	2.070
II	Nhóm 2	4.629	979	2.081	777	8.299	3.197
1	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa bằng thủ công	1.052	20	555	68	2.207	278
2	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa bằng cơ giới	522	275	459	315	1.777	1.297
3	Dịch vụ xếp dỡ hành lý, bao gửi	2.828	496	695	22	2.784	91
4	Dịch vụ xếp dỡ xếp xe máy, xe đạp tại ga	228	188	372	372	1.531	1.531
III	Nhóm 3	7.205	411	2.210	341	8.858	1.404
1	Dịch vụ bảo quản, trông coi hàng hóa	2.805	411	975	316	4.015	1.303
2	Dịch vụ bảo quản, trông coi toa xe	4.400	0	1.235	25	4.843	101
IV	Nhóm 4	23.264	2.541	3.130	731	13.056	3.008
1	Dịch vụ vệ sinh toa xe	3.705	281	975	75	4.009	309
2	Dịch vụ VC, giao nhận, kiểm đếm hàng hóa	5.792	585	1.055	656	4.347	2.699
3	Dịch vụ khác liên quan đến v/c hàng hóa	13.767	1.675	1.100	0	4.700	0
V	Nhóm 5	487.569	12.333	127.672	5.315	525.399	21.896
1	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa từ kho đến kho	470.366	11.921	124.084	5.175	511.224	21.321
2	Dịch vụ giao nhận, đóng gói hàng hóa	4.776	1	226	26	805	105
3	Dịch vụ liên doanh, liên kết vận tải Hành khách	11.150	411	2.961	114	11.965	469
4	Đại lý bán vé	1.277	0	401	0	1.405	1
VI	Nhóm 6	7.743	3.070	3.242	1.125	10.155	4.635

3. Kế hoạch đầu tư phát triển

Bảng số 05. Danh mục dự án và nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2024-2026

TT	Tên hạng mục/dự án	Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện
I. CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP							
1	Đầu tư mới toa xe hàng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thay thế các toa xe hàng hết niên hạn sử dụng ▪ Theo nhu cầu vận tải 	75	50 toa xe G	Vốn KHTSCĐ	Công ty CP Vận tải đường sắt	2022-2024
II. CÁC DỰ ÁN SẼ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN							
1	Đầu tư bằng nguồn vốn khấu hao TSCĐ và vốn vay ngân hàng						
1.1	Đầu tư mới 30 toa xe khách	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thay thế các toa xe khách hết niên hạn sử dụng. ▪ Theo nhu cầu vận tải 	300	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 22 toa xe An28. ▪ 04 toa xe A56. ▪ 04 toa xe CVPĐ 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vốn vay ngân hàng: 70%. ▪ Vốn KHTSCĐ: 30% 	Công ty CP Vận tải đường sắt	2023-2025
1.2	Đầu tư mới toa xe hàng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thay thế các toa xe hàng hết niên hạn sử dụng ▪ Theo nhu cầu vận tải 	125	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 50 toa xe G ▪ 50 toa xe Mc 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vốn vay ngân hàng: 70% ▪ Vốn KHTSCĐ: 30% 	nt	2023-2024
1.3	Đầu tư mới toa xe hàng	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thay thế các toa xe hàng hết niên hạn sử dụng ▪ Theo nhu cầu vận tải 	190	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 50 toa xe G. ▪ 50 toa xe H. ▪ 50 toa xe Mc. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Vốn vay ngân hàng: 70% ▪ Vốn KHTSCĐ: 30% 	nt	2024-2025
2	Đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa:						
2.1	Đầu tư mới toa xe khách	Theo nhu cầu vận tải	450	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 22 toa xe An28. ▪ 04 toa xe A56. ▪ 02 toa xe HC ▪ 02 toa xe CVPĐ. 	Vốn huy động xã hội hóa	Nhà đầu tư	2022-2025
2.2	Đầu tư mới 200 toa xe	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thay thế các toa xe hàng hết niên hạn sử dụng. ▪ Theo nhu cầu vận tải 	230	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 100 toa xe Mc ▪ 100 toa xe H. 	Vốn huy động xã hội hóa	Nhà đầu tư	2023-2024
2.3	Đầu tư mới 200 toa xe	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thay thế các toa xe hàng hết niên hạn sử dụng. ▪ Theo nhu cầu vận tải 	230	<ul style="list-style-type: none"> ▪ 100 toa xe Mc. ▪ 100 toa xe H. 	Vốn huy động xã hội hóa	Nhà đầu tư	2024-2025

TT	Tên nhóm, loại hình dịch vụ	Thực hiện Năm 2023		KH. Quý IV/2024		KH. Năm 2025	
		Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn	Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn	Tổng doanh thu	Doanh thu trừ cước và giá vốn
1	Sản xuất, phục hồi VTPT	4.867	347	2.470	353	6.973	1.453
2	Sửa chữa, chỉnh bị toa xe	2.876	2.723	772	772	3.182	3.182
VII	Nhóm 7	79.864	26.412	21.823	7.253	87.662	29.881
1	Dịch vụ ăn uống, bán hàng trên tàu	57.545	21.544	16.059	6.059	64.962	24.962
2	Dịch vụ thuê địa điểm kinh doanh	12.328	1.581	3.171	350	12.266	1.441
3	Dịch vụ phòng trọ, nhà nghỉ	1.007	401	241	150	988	616
4	Các loại dịch vụ trông giữ xe máy, xe đạp	3.988	1.325	982	379	3.909	1.564
5	Dịch vụ cho thuê Văn phòng	497	109	133	17	536	70
6	Dịch vụ ăn uống khác	3.871	1.325	1.137	298	4.501	1.228
7	Các loại dịch vụ khác liên quan VCHH, HL	629	127	100	0	500	0
VIII	Nhóm 8	28.066	5.165	8.776	1.211	27.631	4.989
1	HD cho thuê quảng cáo	789	68	200	0	700	0
2	Dịch vụ cho thuê kho, bãi	4.036	3.835	1.111	1.011	4.364	4.164
3	Dịch vụ khác	23.241	1.262	7.465	200	22.567	825
	TỔNG CỘNG	653.732	52.920	173.437	17.256	697.630	71.080

Phần 3
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ

Bảng số 06. Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH	
				Quý I/V Năm 2024	Năm 2025
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.200.180	958.571	4.520.993
1	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	nt	4.157.965	950.990	4.497.743
a	Doanh thu vận tải	nt	3.680.908	830.273	4.072.006
b	Doanh thu DVHT vận tải và kinh doanh khác	nt	477.057	120.717	425.737
2	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	nt	10.817	3.081	6.250
3	<i>Thu nhập khác (thanh lý tài sản, phạt HĐ,...)</i>	nt	31.398	4.500	17.000
II	Tổng chi phí	Triệu đồng	4.175.351	957.635	4.497.206
1	<i>Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	nt	4.079.406	936.927	4.407.706
2	<i>Chi phí tài chính</i>	nt	90.171	20.008	87.000
3	<i>Chi khác</i>	nt	5.774	700	2.500
III	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.829	936	23.787
	Tỉ suất LN trước thuế/ vốn điều lệ	%	1,90	0,07	1,82
	Tỉ suất LN trước thuế/ tổng doanh thu	%	0,59	0,10	0,53
IV	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24.829	936	23.787
	Tỉ suất LN sau thuế/ vốn điều lệ	%	1,90	0,07	1,82
	Tỉ suất LN sau thuế/ tổng doanh thu	%	0,59	0,10	0,53
V	Lãi cơ bản/ cổ phiếu	Đồng			
VI	Tổng số tiện trích lập các quỹ	Triệu đồng			
	Tỉ lệ trích lập các quỹ	%			
VII	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	Triệu đồng			
VII I	Lợi nhuận chia cổ tức	Triệu đồng			
IX	Lợi nhuận còn lại	Triệu đồng			

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH	
				Quý I/V Năm 2024	Năm 2025
X	Tỉ lệ chia cổ tức	Triệu đồng			
XI	Số lượng lao động	Triệu đồng			
XII	Thu nhập bình quân/ người/tháng	Triệu đồng			
XII I	Lỗ lũy kế	Triệu đồng			

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về kinh doanh

1.1. Chính sách chăm sóc khách hàng

- Tìm hiểu, nắm bắt và hiểu biết đầy đủ về thị trường vận tải hành khách, hàng hóa. Đánh giá thế mạnh, điểm yếu của từng phương thức vận tải (đường sắt, đường bộ, thủy, hàng không...). Vận dụng tối đa lợi thế của vận tải đường sắt, tham mưu chính sách, giải pháp để nâng cao năng lực kết nối với các doanh nghiệp vận tải logistics, doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu; thị trường du lịch, dịch vụ, tham gia sâu rộng trong chuỗi vận tải. Đẩy mạnh hợp tác, chia sẻ những lợi thế của khách hàng nhằm nâng cao sức cạnh tranh.

- Thực hiện chủ trương của Chính phủ đẩy mạnh vận tải đường sắt phục vụ xuất khẩu, nhập khẩu để tranh thủ sự ủng hộ, hỗ trợ của các địa phương. Chủ động, tích cực làm việc với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có khả năng vận chuyển hàng hóa liên vận quốc tế bằng đường sắt nhằm nâng cao sản lượng vận tải hàng hóa liên vận quốc tế. Trước mắt tiếp tục bám sát các tỉnh Bình Dương, Bắc Giang, Hải Dương để khai thác hiệu quả các ga liên vận quốc tế.

- Ngành Hàng không đang giảm bớt các tuyến bay chặng ngắn, trung bình (Hà Nội - Vinh, Đồng Hới, Diêu Trì; Sài Gòn - Diêu Trì, Đồng Hới, ...) là cơ hội cho đường sắt tổ chức hiệu quả chạy tàu khách trên các tuyến này. Công ty chủ động theo dõi nhu cầu của hành khách để tổ chức chạy thêm tàu, nối thêm xe.

- Đẩy nhanh tiến độ kế hoạch tổ chức chạy các đôi tàu an sinh được trợ giá của nhà nước.

- Thường xuyên cập nhật thông tin, kiến thức, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác vận tải hàng hóa, hành khách, hành lý; nắm vững kế hoạch vận chuyển, quy trình nghiệp vụ; hướng dẫn, tư vấn, thuyết phục khách hàng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý, chia sẻ sử dụng ứng dụng với khách hàng để kết nối, khai thác tốt tài nguyên của nhau, thống nhất với khách hàng về trao đổi bằng online.

- Xây dựng kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến của khách hàng đối với các dịch vụ vận tải của Công ty để đưa ra giải pháp khắc phục và điều chỉnh phương án, chính sách trong kinh doanh cho phù hợp.

- Luôn giữ và xây dựng mối quan hệ với khách hàng, nắm bắt nhu cầu vận chuyển, tiếp nhận ý kiến đề xuất của khách hàng về dịch vụ vận chuyển. Theo dõi tiến độ thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng, biện pháp tháo gỡ khó khăn.

- Thường trực 24/24h để tiếp nhận và giải quyết các ý kiến của khách hàng, theo dõi hoạt động của hệ thống, tổ chức thực hiện tốt các hợp đồng với khách hàng.

- Xây dựng các chương trình thăm hỏi, tặng quà các dịp Lễ tết, sinh nhật, các sự kiện lớn.. các chính sách hậu mãi.

- Thường xuyên liên hệ với khách hàng, nắm bắt nhu cầu vận chuyển, tiếp thu các ý kiến đề xuất của khách hàng về dịch vụ vận chuyển bằng đường sắt. Theo dõi tiến độ thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng, biện pháp tháo gỡ khó khăn. Có phương án kinh doanh phù hợp đối với từng đối tượng khách hàng.

- Thường xuyên đưa các thông tin về kế hoạch chạy tàu, chính sách giá vé, các dịch vụ hỗ trợ hành khách trên các phương tiện truyền thông, Website, Fanpage của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác chấn chỉnh nâng cao chất lượng vệ sinh trên tàu, dưới ga. Đặc biệt chú trọng công tác chỉnh bị trang thiết bị trên tàu nhất là khu vực buồng vệ sinh, tìm phương án khắc phục triệt để mùi hôi tại khu vực buồng vệ sinh thay thế dần bộ vệ sinh biofas bằng bộ vệ sinh sứ để tạo sự thân thiện cho hành khách.

- Tăng cường công tác kiểm tra (chú trọng công tác kiểm tra đột xuất) để kịp thời phát hiện, ngăn chặn hiện tượng bao khách, bao hàng trên các đoàn tàu. Kiên quyết xử lý nghiêm khi kiểm tra, hoặc qua phản ánh của báo chí các trường hợp bao khách, bao hàng.

1.2. Chiến lược marketing, chính sách về giá

- Nâng cao công tác quảng bá, tiếp thị, chính sách trong kinh doanh vận tải để thu hút khách hàng, vận dụng tối đa lợi thế của mạng xã hội để thực hiện quảng cáo, tiếp thị một cách hiệu quả...

- Chiến lược marketing là cách mà Công ty thực hiện để đạt được mục tiêu công việc, chiến lược bao gồm về giá, cách định giá của dịch vụ sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến mức độ hài lòng của khách hàng; về kết nối phương tiện hai đầu vận chuyển door-to-door, một nguyên tắc là khách hàng chỉ cần ngồi nhà không cần giao dịch nhiều khâu trong quá trình vận chuyển hàng hóa đảm bảo từ kho chủ hàng vận chuyển đến điểm cần đến theo yêu cầu.

- Chiến lược truyền thông nhằm tạo sự nhận biết cũng như cảm nhận ban đầu của khách hàng về các dịch vụ mà Công ty cung cấp. Để đảm bảo sự thống nhất và

gia tăng tính hiệu quả của truyền thông thì mọi thông điệp truyền tải cần phải bám sát với định hướng của Công ty.

- Nhân lực là phần quan trọng trong việc thực hiện chiến lược marketing nếu Công ty có phương tiện tốt, tốc độ chạy tàu nhanh, không xóc, lắc... mà người phục vụ kém thì không tạo sự hài lòng của khách hàng, sự ân cần và tươi cười luôn được đánh giá cao trong khâu dịch vụ.

- Thực hiện chính sách giá linh hoạt, có cơ chế khuyến khích giảm giá theo sản lượng, theo đối tượng khách chủ hàng, theo mặt hàng, thời vụ, số lần sử dụng dịch vụ, thời gian mua trước dịch vụ, khách khứ hồi, hàng hai chiều,...

- Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động điều hành giá vé giá cước, điều xe, cấp xe; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, nhân viên tiếp xúc với khách hàng, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.3. Giải pháp triển đầu cuối

- Đẩy mạnh tìm kiếm, phát triển, đa dạng nguồn hàng vận chuyển trọn gói từ kho - kho, từ nhà - nhà.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với đối tác, các đơn vị để thực hiện các khâu tác nghiệp trong chuỗi dịch vụ từ kho đến kho, từ nhà - đến nhà để tăng doanh thu và có lợi nhuận, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

1.4. Trong tổ chức chạy tàu

- Đảm bảo đoàn tàu hàng chạy đủ tần số và chiều dài phù hợp với sức kéo của đầu máy; Ưu tiên sử dụng các đầu máy có công suất lớn có chi phí nhiên liệu thấp; Khai thác luồng hàng để tổ chức chạy tàu chở nặng cả hai chiều, hạn chế và giảm tỷ lệ toa xe chạy rỗng (hệ số chạy rỗng); Về lâu dài không khai thác các đoàn tàu có doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí phải trả cho Tổng công ty.

- Vận dụng toa xe hiệu quả, nâng cao hệ số sử dụng chỗ toa xe khách tối thiểu 5%, phấn đấu giảm 10% thời gian quay vòng toa xe hàng;

- Tính đủ chi phí toa xe chạy rỗng và các chi phí phát sinh vào giá thành vận tải hàng hóa và khách khách, nghiên cứu bãi bỏ những tác nghiệp, công việc trùng lặp hoặc không cần thiết.

1.5. Biện pháp đảm bảo an toàn

- Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng chính bị các đoàn tàu khách, tàu chuyên tuyến, chuyên luồng, không để xảy ra ách tắc sản xuất; nâng cao chất lượng bảo dưỡng toa xe (bao gồm các máy móc, thiết bị lắp đặt trên toa xe), nhất là công tác bảo dưỡng các bộ phận chạy của toa xe.

- Phối hợp kiểm tra chất lượng toa xe vận dụng trước khi đưa đi xếp hàng; quản lý chặt chẽ toa xe cắt móc hàng ngày; xử lý nghiêm các trạm để lọt xe hư hỏng, dùn dẩy không sửa chữa để xe không đảm bảo chất lượng vẫn vận dụng.

- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy trình sửa chữa trong từng khâu, từng công đoạn, đặc biệt chú ý quy định về kết cấu và điều kiện làm việc của từng chi tiết, cụm chi tiết theo thiết kế và hạn độ sửa chữa; nâng cao chất lượng sửa chữa sàn, thành toa xe H, N; giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy trình công nghệ sửa chữa trục bánh, sửa chữa các bộ phận chịu lực phải được kiểm tra bằng phương pháp siêu âm, điện từ;

- Gắn quyền lợi và trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân tham gia đơn đốc, kiểm tra, giám sát chất lượng sửa chữa.

- Chỉ đạo các chi nhánh thường xuyên kiểm kê để có kế hoạch dự trữ, điều chuyển kịp thời vật tư phụ tùng đến các trạm phục vụ chính bị và sửa chữa cốt móc toa xe; Tiếp tục phối hợp nghiệm thu chặt chẽ, lựa chọn nguồn cung cấp vật tư phụ tùng toa xe đảm bảo chất lượng, nhất là chất lượng các chi tiết hệ thống hãm; từng bước tiêu chuẩn hóa vật tư phụ tùng để có thể lắp lẫn nhau.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác giao nhận và bảo quản hàng hóa, phụ tùng toa xe, ngăn chặn hiệu quả hiện tượng lấy cấp hàng hóa và phụ tùng, thiết bị toa xe; rà soát, hoàn thiện hồ sơ quản lý công tác PCCC, phương án chữa cháy; kịp thời củng cố lực lượng và phương tiện chữa cháy, huấn luyện và cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ PCCC; thường xuyên kiểm tra, đánh giá khả năng hoạt động của các trang thiết bị PCCC; chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất, công tác bảo vệ môi trường, nhất là tại các phân xưởng sửa chữa toa xe.

2. Công tác quản trị doanh nghiệp

- Trong năm đầu tiên, Công ty hợp nhất cần nhanh chóng hoàn thành công tác giao nhận và các thủ tục cần thiết với các cơ quan, ban ngành có liên quan; sắp xếp lao động phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, sắp xếp và ổn định tổ chức, địa điểm làm việc, hoàn thiện bộ máy quản lý, vị trí công tác, các mối quan hệ, giao dịch với các địa phương; triển khai xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định; rà soát, kế thừa và chọn lọc các tiêu chuẩn, định mức của hai Công ty cũ;

- Khẩn trương sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi các phần mềm quản lý đã có để phù hợp với mô hình tổ chức mới như phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, harapost, hành lý, bán vé, quản trị hàng hóa, hành chính điện tử..., xây dựng mới các phần mềm như quản lý vật tư phụ tùng toa xe, xác định giá thành vận tải và các tác nghiệp vận tải,...

- Từng bước tinh giản bộ máy, nâng cao năng suất và thu nhập người lao động, bố trí đúng người đúng việc, phân định rõ trách nhiệm, tránh chồng chéo, chuyên môn hóa lao động quản lý; tăng cường đào tạo chuyển đổi và đào tạo nâng cao, thực hiện tốt quy định của Nhà nước về chế độ đối với người lao động.

- Thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng lao động để thu hút được người có năng lực, trình độ, nâng cao chất

lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên quản lý; xác định vị trí việc làm một cách khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động...

- Tổ chức điều hành chi tiêu chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, đảm bảo không được vượt quyền được chi thường xuyên, không được vượt tổng mức đầu tư các dự án, kiểm soát và thanh toán các khoản chi gắn với việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các phòng ban liên quan; thực hiện có hiệu quả các giải pháp tăng thu giảm chi; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm soát chi, quản lý doanh thu; tăng cường kiểm tra, thực hiện công khai, minh bạch; xây dựng kế hoạch chi phí theo mục tiêu, nhiệm vụ, các định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ, cam kết chi.

- Cân đối tài chính, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của Công ty, giảm tối đa vay vốn.

3. Giải pháp về đầu tư, sử dụng tài sản và quỹ nhà đất

3.1. Về đầu tư

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư hàng năm đúng theo quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án đã được phê duyệt và giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc của các dự án dở dang;

- Thực hiện tiết kiệm từ chủ trương đầu tư, chỉ quyết định chủ trương đầu tư các dự án có hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư; đảm bảo 100% dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; bổ sung vốn cho dự án đã có khối lượng hoàn thành, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật, bảo đảm giải ngân 100% kế hoạch hàng năm;

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã có đầy đủ thủ tục theo quy định, bảo đảm bố trí đủ vốn để thanh toán cho các dự án hoàn thành; tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án về toa xe, dự án chuyển tiếp các năm, vốn đối ứng cho các dự án đầu tư có vay vốn thương mại; sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, nếu còn nguồn mới xem xét bố trí cho dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án; hạn chế các nội dung phát sinh dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình;

- Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời hạn thanh toán, sử dụng vốn hiệu quả; rà soát các dự án kéo dài nhiều năm, hiệu quả đầu tư thấp để có hướng xử lý; tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành, xử lý dứt điểm tồn đọng quyết toán;

- Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định trong công tác đầu tư, thực hiện thủ tục các dự án đầu tư đúng quy định, nhanh chóng để hiệu quả đầu tư sớm được phát huy phục vụ sản xuất; trong đó cần lưu ý sự phối kết hợp giữa các bộ phận, phân định rõ trách nhiệm cá nhân cũng như tập thể.

3.2. Quản lý, sử dụng tài sản cố định:

- Rà soát đánh giá việc sử dụng tài sản để xây dựng phương án sử dụng hiệu quả; thanh lý các tài sản cũ, lạc hậu không phù hợp.

- Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; xác định cụ thể từng đối tượng được trang bị tài sản; đồng thời xác định công năng sử dụng của tài sản để trang bị cho nhiều đối tượng dùng chung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tế ở từng đơn vị, tránh lãng phí trong việc trang bị, mua sắm tài sản; nghiên cứu áp dụng hình thức khoán phương tiện đi lại, giảm dần số lượng xe ô tô trang bị cho các chi nhánh;

- Chỉ sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết trong các trường hợp được pháp luật quy định, kiên quyết chấm dứt, thu hồi tài sản sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định;

- Nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản; giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng máy móc thiết bị đúng theo quy trình, quy định của Công ty;

- Về toa xe, bám sát nhu cầu vận tải để tổ chức đưa xe đi sửa chữa, cần xe đến đâu thì sửa chữa đến đó, tạm thời dùng sửa chữa đối với các chủng loại toa xe không có nhu cầu vận dụng hoặc vận dụng quá ít; nâng cao chất lượng nghiệm thu toa xe xuất xưởng, giám sát chặt chẽ chất lượng khám chữa chính bị và khâu nghiệm thu vật tư phụ tùng toa xe để hạn chế tối đa sự cố trong quá trình vận dụng; đẩy mạnh gia công tái chế vật tư phụ tùng toa xe; từng bước ứng dụng khoa học tiên tiến vào công tác sửa chữa toa xe, sử dụng các nguyên liệu, vật liệu mới, thân thiện với môi trường;

3.3. Nhà cửa, đất đai

- Sử dụng hiệu quả quỹ đất được giao, công khai, minh bạch trong việc lựa chọn đối tác đầu tư và hợp tác kinh doanh. Nhanh chóng có phương án khai thác trụ sở Yên Bái, Bắc Giang; khai thác hiệu quả kho bãi hàng Yên Viên.

- Trụ sở làm việc, nhà xưởng và các công trình xây dựng giao cho các đơn vị quản lý hoặc thuê của Tổng công ty phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và bảo đảm thực hành tiết kiệm;

- Định kỳ kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản, sử dụng nhà đất tại các đơn vị; kiểm điểm trách nhiệm, xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm;

3.4. Kiến nghị, đề xuất

- Công ty CP Vận tải Đường sắt tiền thân được hợp nhất từ hai Công ty vận tải đường sắt, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/10/2024 cần phải được sự tạo điều kiện, hỗ trợ của các Cơ quan chức năng, của Tổng công ty ĐSVN để hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty để điều hành sản xuất kinh doanh.

- Có chính sách ưu đãi vay vốn đối với Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt để đầu tư phương tiện vận tải, phương tiện phục vụ vận tải.

- Bộ giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 32/TT-BGTVT ngày 09/12/2022 Ban hành một số định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ việc xây dựng kế hoạch chạy tàu an sinh xã hội theo quy định của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt. Đề nghị sớm tổ chức thực hiện để bù đắp chi phí khi thực hiện cho Doanh nghiệp kinh doanh vận tải.

- Đề nghị Chính phủ xem xét có chính sách hỗ trợ người lao động nghỉ việc do dôi dư khi thực hiện hợp nhất Doanh nghiệp theo quyết định của Chính phủ.

- Đề nghị Chính phủ xem xét xóa hoặc miễn giảm, giãn tiền thuê sử dụng đất đối với các cơ sở đất của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt sau hợp nhất do thực hiện tái cơ cấu lại Tổng công ty ĐSVN.